

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày Thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD203 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kế t	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
1	13137014	LÊ CÔNG BẢO	DH13NL	<i>PC</i>		10	10	8	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12118016	LÝ PHAN BÌNH	DH12CC							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13334016	TRẦN THANH BÌNH	CD13CI	<i>PC</i>		5	10	8,5	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13154089	PHẠM VIỆT CƯỜNG	DH13OT	<i>CC</i>		5	8	1	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154008	VÕ THANH DUY	DH13OT	<i>PC</i>		5	10	3	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13115018	LÊ THỊ DUYÊN	DH13CB	<i>Duyen</i>		7	10	9	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13115180	TRẦN THỊ ÁI DUYÊN	DH13CB	<i>Duyen</i>		7	10	5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13334042	NGUYỄN TRIỆU DƯƠNG	CD13CI	<i>Duan</i>		4	10	5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13334047	TRẦN QUỐC ĐẠT	CD13CI	<i>Quat</i>		4	6	0,5	1,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13334048	NGÔ HUỖNH ĐĂNG	CD13CI	<i>Ch</i>		4	10	3	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13115025	TRẦN QUANG ĐỊNH	DH13CB	<i>dat</i>		6,5	10	4,5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13115204	VÕ THỊ MỸ HẢO	DH13CB	<i>ongha</i>		8,5	10	8,5	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13115033	VŨ THỊ HIỀN	DH13CB	<i>hien</i>		7	10	8	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13334079	ĐINH LÂM HUY	CD13CI	<i>huy</i>		5,5	10	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12118030	NGUYỄN VIỆT HUY	DH12CC							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13334092	NGUYỄN VĂN HỮU	CD13CI	<i>Huu</i>		8	10	4	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118184	VŨ VĂN KHIÊM	DH13CC	<i>Khien</i>		5,5	10	7	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13137076	ĐỖ ĐĂNG KHOA	DH13NL	<i>Do</i>		7	10	3	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày thi : 19/01/15 Giờ thi : 12g15 - phút Phông thi HD203 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (30%)	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
19	13334102	PHAM TRUNG KIÊN	CD13CI	<i>Yên</i>		5	10	7	6,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13138103	NGUYỄN ĐÌNH LÂN	DH13TD	<i>Đ</i>		6,5	10	6,5	6,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118193	TRẦN NGỌC LẬP	DH13CC	<i>Trần</i>		0	0	1	0,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13115256	TRIỆU THỊ LIÊN	DH13GB	<i>Liên</i>		7,5	10	8	8,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118197	NGUYỄN CHÍ LINH	DH13CX	<i>Linh</i>		5	10	8	7,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13334114	NGUYỄN THÀNH LUÂN	CD13CI	<i>Luân</i>		4	8	4	4,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12115049	TRẦN HỮU LỰC	DH12CB	<i>Trần</i>		7	10	8	8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13334119	NGUYỄN THANH LÝ	CD13CI	<i>Ly</i>		4	8	3	3,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11158073	CAO THỊ LÊ MAI	DH11SK	<i>Mai</i>		6,5	10	5,5	6,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13334124	ĐẶNG THANH NAM	CD13CI	<i>Đặng Thanh Nam</i>		4	8	4	4,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13138011	TRẦN NHẬT NGHĨA	DH13TD	<i>Trần</i>		6,5	10	6	6,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13118031	TRƯƠNG MINH NGHĨA	DH13CC	<i>Trương</i>		6	10	7	7,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng mặt
Cán bộ coi thi 1

Hiệu điểm n :

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Vương Đình Bằng

Li Quang Tiến

Th.S. Đặng Hữu Dũng

Vương Đình Bằng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD204 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kết	Tổ trò n điểm m phầ n nguyên	Tổ trò n điểm m phầ n lẻ
1	13118032	TRƯƠNG QUỐC	NGHĨA	DH13CC			5	10	4	4,8		

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi HD204 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kết t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
19	13334204	NGUYỄN HỒNG THUẬN	CD13CI	<i>Lu</i>		5,5	10	3,5	4,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	13138219	HỒ TIỆP	DH13TD	<i>Lu</i>		4	10	3,5	4,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	13115120	NGUYỄN THẾ TOÀN	DH13CB	<i>Lu</i>		8	6	3	4,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	13334216	PHẠM VĂN TOÀN	CD13CI	<i>Toan</i>		8	10	3,5	5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	13115438	DƯƠNG THỊ HỒNG TRINH	DH13GB	<i>Trinh</i>		6	10	4	5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	13334233	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	CD13CI	<i>Lu</i>		5,5	10	4	4,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	11115015	TRẦN QUANG TUẤN	DH11CB	<i>Lu</i>		7,5	8	5	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	13115470	NGUYỄN THỊ VĂN	DH13CB	<i>V</i>	✓	✓	✓	✓	✓	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	13334244	LÊ QUANG VINH	CD13CI	<i>Lu</i>		8	10	4,5	5,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	13118366	LÊ TẤN VŨ	DH13CK	<i>Lu</i>		6	10	3,5	4,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	13334252	NGUYỄN TẤN NHƯ Ý	CD13CI	<i>Lu</i>		5,5	10	5	5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng : 2 Hiệ n diện : 27

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xá c nhậ n củ a khoa/bộ môn

Cá n bộ chấ m thi 1

Cá n bộ chấ m thi 2

Nguyễn Thanh Phong
Đặng Thị Nam

Lu
Th.S. Đặng Hữu Dũng

Lu
Vương Đình Bổng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày Thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phóng thi CT101 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13118071	MAI CÔNG ANH	DH13CK	<i>ML</i>		8	10	4,5	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(9) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118004	NGUYỄN THẾ BẢO	DH13CC	<i>Ng</i>		6	10	8,5	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(9) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154083	PHAN VĂN CHÁU	DH13OT	<i>Chau</i>		5,5	10	6	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(9) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13118007	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	DH13CK	<i>Cuong</i>		5	10	3	4,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(9) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13118008	NGUYỄN HOÀI ANH	DUY	<i>Ha</i>		5	10	4	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(9) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13137036	TRẦN KHÁNH DUY	DH13NL	<i>Fuy</i>		6,5	10	8,5	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(9) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118009	NGUYỄN VĂN DƯ	DH13CC	<i>Du</i>		7	10	4	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(9) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118104	NGUYỄN ĐÔNG DƯƠNG	DH13CK	<i>Duong</i>		5	10	5,5	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(9) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118112	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	DH13CK	<i>Da</i>		7	10	5,5	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(9) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154092	NGUYỄN ĐỨC HIỀN	DH12OT	<i>Hi</i>		6,5	9	5	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(9) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118017	TRẦN VĂN HIỆU	DH13CK	<i>Hieu</i>		5	10	5,5	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(9) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13137065	HUỶNH NGUYỄN HÒA	DH13NL	<i>Hu</i>		5,5	10	6	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(9) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118147	NGUYỄN THÁI HÒA	DH13CK	<i>Ho</i>		10	10	8,5	8,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(9) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13118152	BÙI VĂN HỢI	DH13CC	<i>Hoi</i>		5	10	9	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(9) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118153	CAO THANH HUY	DH13CK	<i>Thuy</i>		5	10	1	2,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(9) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13115242	MAI THUY GIÁNG	DH13CB	<i>Chang</i>		6	10	10	9,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(9) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118170	HUỶNH MINH KHA	DH13CC	<i>Minh</i>		6	10	10	9,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(9) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13154025	NGUYỄN ĐOÀN KHANG	DH13OT	<i>Khang</i>		5	10	0	2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(9) 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi CT101 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kế t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
19	13118174	TRƯƠNG CHÍ KHANG	DH13CK	<i>Chí Khang</i>		7	10	8,5	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13118183	TRƯƠNG NHỰT KHÁNH	DH13CC	<i>Nhật Khánh</i>		6	10	6,5	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118021	LƯƠNG PHAN BÀ KHỎE	DH13CK	<i>Bà Khỏe</i>		5	10	3,5	4,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118191	NGUYỄN TÙNG LÂM	DH13CK	<i>Tùng Lâm</i>		6,5	10	8,5	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118025	NGUYỄN HOÀNG LIÊM	DH13CK	<i>Hoàng Liêm</i>		5	10	4,5	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12115208	NGUYỄN VƯƠNG LONG	DH12GN							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118202	NGUYỄN TÂN LỘC	DH13CC	<i>Tân Lộc</i>		6	10	5	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13115268	TRẦN BÁ LỘC	DH13GN	<i>Bà Lộc</i>		5	10	10	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13118203	NGUYỄN HỮU LỢI	DH13CC	<i>Hữu Lợi</i>		10	10	9	9,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13334117	NGUYỄN CÔNG LỰC	CD13CI	<i>Công Lực</i>		10	10	5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13118204	TRƯƠNG THANH LỰC	DH13CK	<i>Thanh Lực</i>		6,5	10	5	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13115066	TRẦN XUÂN LY	DH13CB	<i>Xuân Ly</i>		7	10	7,5	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13115298	HỒ ĐOÀN KHÔI NGUYỄN	DH13GN	<i>Đoàn Khôi</i>		6	10	6,5	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13137102	TRẦN MINH NHỰT	DH13NL	<i>Minh Nhựt</i>		5,5	10	4,5	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13118234	NGUYỄN HOÀNG PHONG	DH13CK							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13118039	HUỶNH HỒNG PHÚC	DH13CK	<i>Hồng Phúc</i>		5	10	3,5	4,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13115339	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	DH13GN	<i>Hữu Phước</i>		5	10	9	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12118114	TÔ NGỌC QUANG	DH12CC	<i>Ngọc Quang</i>		5	10	4	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phông thi CT101 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13118042	PHẠM HOÀNG QUÍ	DH13CC	<i>[Signature]</i>		5,5	10	3,5	4,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	13118249	TẠ VĂN QUYẾN	DH13CK	<i>[Signature]</i>		5	10	9	8,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	13118044	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	DH13CK	<i>[Signature]</i>		5	10	8	7,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng : 2 Hiện diện : 37

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

[Signature]
K. B. Xích Cao Đức Lợi

[Signature]
Th.S. Đặng Hữu Dũng

[Signature]
Vương Đình Bàng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện - 207109

Ngày Thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phóng thi CT102 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13115091	LÊ THI HỒNG	SEN	DH13GB	Sen	5	10	4,5	5,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	12154236	TRỊNH THANH	SƠN	DH12OT	Thanh	8	10	5,5	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	13154051	NGÔ TẤN	TÀI	DH13OT	Tân	5,5	10	3	4,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	13118266	HUỶNH THANH	TÂM	DH13CC	Thanh	6	10	6	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	13115370	NGUYỄN HOÀNG	TÂM	DH13GN	Hoàng	5	10	1,5	3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	13118267	TRƯƠNG MINH	TÂM	DH13CC	Minh	6	10	8	7,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	13118049	LƯƠNG NGỌC	TÂN	DH13CK	Ngoc	5	10	3	4,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	12118119	NGUYỄN TRUNG	TÀI	DH12CK	Trung	5	10	2	3,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	13118278	HUỶNH NGỌC	THẠCH	DH13CC	Ngoc	5	10	7	6,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	13118276	ĐÀM MINH	THÁI	DH13CK	Minh	5	10	4	4,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	13115377	NGUYỄN NGỌC	THẢO	DH13CB	Ngoc	5,5	10	5	5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	13115381	TRƯƠNG NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	DH13GN	Phuong	5,5	10	6,5	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	13115397	NGUYỄN THỊ Ý	THƠ	DH13GN	Thy	5,5	10	6,5	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	13115398	ĐINH THỊ	THU	DH13CB	Thi	6	10	7	7,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	13115403	TRẦN VĂN	THUẬN	DH13GN	Van	6	10	9	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	13118290	PHẠM QUỐC	THUYỀN	DH13CK	Quoc	7	10	4	5,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	13118291	PHẠM HỮU	THƯỜNG	DH13CK	Huu	6	10	8	7,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	13118294	ĐỖ THANH	TIẾN	DH13CC	Thanh					(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi CT102 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (10%)	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
19	12137056	NGUYỄN TẤN	TOÀN	DH13NL	Tấn	8	10	7,5	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 2 4 5 6 7 8 9
20	13115435	NGUYỄN THỊ HUỲNH	TRÂM	DH13GN	Huỳnh	5	10	4,5	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118312	BẠCH HUY	TRÍ	DH13CK	Huy	6	10	7,5	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118310	BÙI THANH	TRIỂN	DH13CK	Thanh	5	10	9	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13115441	TRẦN THỊ DIỆM	TRINH	DH13CB	Diễm	6	10	4,5	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13118058	LÊ QUANG	TRỌNG	DH13CK	Quang	7	10	7,5	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13115445	LÊ THỊ	TRỌNG	DH13GN	Thị	6	10	8,5	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13118059	TRẦN VĂN	TRỌNG	DH13CK	Trọng	5	10	4	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10137072	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	DH10NL	Thành					(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13118060	PHẠM QUANG	TRUNG	DH13CK	Quang	6	10	2,5	3,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13118321	TRẦN MINH	TRUNG	DH13CK	Minh	2	8	9	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13115131	NGUYỄN TRUNG	TRỰC	DH13GN	Trung	5	8	4	4,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13118344	BÙI VĂN	TÚ	DH13CC	Văn	10	10	6	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13115463	TRỊNH CÔNG	TÚ	DH13GN	Công	5	10	8,5	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13118332	LÊ QUỐC	TUẤN	DH13CK	Quốc	7	10	8	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13118334	NGUYỄN DUY	TUẤN	DH13CC	Duy	5	10	6,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13118062	NGUYỄN MINH	TÙNG	DH13CK	Minh	6	10	3,5	4,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13118342	NGUYỄN XUÂN	TÙNG	DH13CC	Xuân	6	10	6,5	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi CT102 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (80%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
37	13115464	ĐỖ THỊ MINH TỰ	DH13GB	<i>Minh</i>		6	10	4	5	(Y) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(Y) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13115474	NGUYỄN THANH VINH	DH13CB	<i>Thanh</i>		8	10	5	6,1	(Y) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(Y) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13137162	NGUYỄN THỊ THU VUI	DH13NL	<i>Vui</i>		6	10	9	8,5	(Y) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(Y) 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 2 Hiện diện : 37

Cá nhân coi thi 1

Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

Cá nhân chấm thi 2

Minh
K.V. Kiệp

Phan Minh Hien

Th.S. Đặng Hữu Dũng

Vũ Duy Anh Bằng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện 207109

Ngày thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phông thí HD301 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kết	Tờ trả n điểm phầ n nguyên	Tờ trả n điểm phầ n lẻ
1	13137008	VŨ TUẤN ANH	DH13NL	<i>Sl</i>		4	10	3,5	4,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	13334018	NGUYỄN VĂN CẢNH	CD13CI	<i>Ca</i>		7	10	4	5,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	13138042	QUÁCH ĐÌNH DŨNG	DH13TD	<i>Đ</i>		6	10	4	5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	13118010	LÊ TIẾN ĐẠT	DH13CK	<i>Đ</i>		5	10	5,5	5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	13118113	PHẠM THÀNH ĐẠT	DH13CC	<i>Đ</i>		4	8	5	5,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	13138060	PHAN HỒNG HẢI	DH13TD	<i>H</i>		6	10	8,5	8,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	13154017	NGUYỄN VĂN HỮU	DH13OT	<i>H</i>		6	10	3	4,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	13115208	TRƯƠNG THỊ MINH HIỀN	DH13CB	<i>M</i>		7	10	3,5	4,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	13334062	NGUYỄN VĂN HIỀN	CD13CI	<i>N</i>		0	0	1,5	1	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	13118137	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	DH13CK	<i>N</i>		7	10	9	8,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	13118016	NGUYỄN TRUNG HIẾU	DH13CK	<i>H</i>		5,5	10	1,5	3,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	13118140	ĐẶNG NGỌC HIẾU	DH13CK	<i>Đ</i>		2	8	6	5,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	13118141	TRỊNH VĂN HOÀN	DH13CK							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	13138263	HẠP TIẾN HOÀNG	DH13TD	<i>H</i>		8	10	5,5	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	13115220	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG HOÀNG	DH13CB							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	13118156	ĐỖ MINH HUY	DH13CK	<i>H</i>		8,5	10	5	6,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	13118161	HOÀNG PHẠM THANH HUỶNH	DH13CK	<i>H</i>		5	10	8,5	7,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
18	13138089	TÔ VĂN HƯNG	DH13TD	<i>H</i>		6	10	4,5	5,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Kỹ thuật điện-2D7109

Ngày thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phóng thi HD301 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số lũ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
19	13115052	NGUYỄN PHẠM PHÚ	HỮU	DH13CB		5,5	10	2,5	3,8		
20	13137079	PHAN ĐĂNG TUẤN	KHÔI	DH13NL		8	10	3,5	5		
21	12115211	ĐÔNG VĂN	LÀNH	DH12CB		6	10	4	5		
22	13118199	ĐÀO HUY	LONG	DH13CK		8	10	7,5	7,8		
23	13138113	PHẠM HỮU	LUÂN	DH13TD		6	10	2	3,6		
24	13118205	NGUYỄN BÀ	MAY	DH13CK		6	10	5	5,7		
25	13118208	BÙI LƯƠNG BẢO	MINH	DH13CK		7	10	8	8		
26	13118209	ĐỖ VĂN	MINH	DH13CK		6	10	8	7,8		
27	13115296	NGUYỄN VIỆT	NGỌC	DH13CB		0	0	4,5	3,1		
28	13118219	TRỊNH ĐÌNH VŨ	NGỌC	DH13CK		8	10	6,5	7,1		
29	13118230	CAO HOÀNG	PHI	DH13CK		7,5	10	6	6,7		
30	13118041	LÊ MINH	PHƯƠNG	DH13CK		6	10	8	7,8		
31	13115336	TRỊNH NGỌC	PHƯƠNG	DH13CB							
32	12154247	NGUYỄN CHÁNH	QUANG	DH12OT		8	10	6	6,8		
33	13138015	VŨ BẢO	QUỐC	DH13TD		6,5	10	5	5,8		
34	13115353	TRẦN THỊ NHƯ	QUYÊN	DH13CB		7	10	3,5	4,8		
35	13115359	NGUYỄN NGỌC	SANG	DH13CB		6,5	10	4	5,1		
36	13138189	VĂN THÀNH	TÂN	DH13TD		7	10	5	5,9		

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phông thi HD301 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13118269	VÕ MINH TÂY	DH13CK	<i>Minh</i>		8	10	7,5	7,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	13115098	ĐOÀN THỊ THU	DH13GB	<i>Thu</i>		5	10	8,5	7,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	13138199	TRỊNH VIỆT	DH13TD	<i>Việt</i>		6	10	5,5	6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	13115386	NGUYỄN THỊ	DH13CB	<i>Nguyễn</i>		8	10	4	5,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
41	13118279	TRƯƠNG QUANG	DH13CK	<i>Trương</i>		6	10	6	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	13118282	TRẦN NAM	DH13CK	<i>Nam</i>		7	10	5,5	6,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	13115387	TRẦN XUÂN	DH13GN	<i>Xuân</i>		5	10	4,5	5,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
44	13118054	ĐOÀN VĂN	DH13CK	<i>Văn</i>		5	10	4,5	5,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
45	13118286	PHAN MINH	DH13CK	<i>Minh</i>		8	10	5,5	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
46	13115492	NGUYỄN THỊ	DH13CB	<i>Thị</i>		5,5	10	5	5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
47	13137140	NGUYỄN VINH	DH13NL	<i>Vinh</i>		8	10	1,5	3,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
48	13137141	TRẦN THẮNG	DH13NL	<i>Thắng</i>		6	10	8	7,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
49	13334205	VŨ THÁI	CD13CI	<i>Thái</i>		5	10	0	2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
50	13334212	LÂM QUỐC	CD13CI	<i>Quốc</i>		2	6	4	3,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
51	13137146	ĐINH THANH	DH13NL	<i>Thanh</i>		6	10	2,5	3,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
52	13115444	TRẦN TRUNG	DH13CB	<i>Trần</i>		4	10	4	4,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
53	13118319	NGUYỄN HUY	DH13CC	<i>Huy</i>		6	10	0	2,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
54	13118324	PHẠM NGỌC	DH13CC	<i>Ngọc</i>		6	8	5,5	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phông thí HD301 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (10%)	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
55	13118063	LÊ VĂN TƯỜNG	DH13CC			6	10	5	5,7		
56	13118064	NGUYỄN VĂN TYL	DH13CK			7	10	7	7,3		
57	13138255	PHÙNG ANH VĨ	DH13TD			6	10	7,5	7,4		
58	13118349	DƯƠNG ĐỨC VINH	DH13CC			8	10	6,5	7,1		
59	13118359	VŨ GIA VỸ	DH13CK			6	10	6	6,4		

Số lượng vắng : 3

Hiệu điểm : 56

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thị Phương Thảo

Lê Khắc Quý

Th.S. Đặng Hữu Dũng

Võ Văn Bình

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Kỹ thuật điện - 207109

Ngày Thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi CT201 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (10%)	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13334005	LÊ THANH TÚ	ANH	CD13CI						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13137006	MAI THẾ	ANH	DH13NL	<i>Ma</i>	7	10	3	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13115149	PHẠM TUẤN	ANH	DH13GN	<i>Pham</i>	4	10	3,5	4,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13118002	ĐẶNG NGỌC	ĂN	DH13CK	<i>An</i>	5	10	4	4,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13137013	ĐẶNG HOÀI	BẢO	DH13NL	<i>Dang</i>	7	10	4,5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118006	TRẦN QUANG	CHUNG	DH13CK	<i>Tran</i>	4	2	2	2,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13154088	ĐÀO THẾ	CƯỜNG	DH13OT	<i>Dao</i>	5	10	6	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13115176	NGUYỄN NGỌC	DUNG	DH13GN	<i>Nguyen</i>	7	10	5	5,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118097	NGUYỄN HOÀNG	DUY	DH13CK	<i>Duy</i>	5	8	0	1,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13115184	NGUYỄN HOÀNG VĨ	ĐẠI	DH13GN	<i>Doi</i>	4	8	1,5	2,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118109	PHẠM	ĐẠI	DH13CC	<i>Pham</i>	5	10	3,5	4,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13137045	LÂM QUỐC	ĐẠT	DH13NL	<i>Doi</i>	7	10	4	5,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13115029	HUỖNH	GIANG	DH13GN	<i>Hoang</i>	8	10	8,5	8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13137051	NGUYỄN HOÀNG	GIANG	DH13NL	<i>Nguyen</i>	7	10	7	7,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118133	NGUYỄN HOÀNG	HẢO	DH13CK	<i>Hao</i>	7	10	2	3,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13115206	BÙI THỊ ÁI	HẬU	DH13GN	<i>Hau</i>	8	10	5,5	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13137002	NGUYỄN TÂN	HẬU	DH13NL	<i>Nguyen</i>	8	10	2,5	4,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13115036	VÕ VĂN	HIỆP	DH13CB	<i>Hiep</i>	7	10	3	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày Thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi CT201 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kết	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
19	13115044	LƯƠNG NGỌC HUY	DH13GN	<i>[Signature]</i>		0	0	2	1,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	13137073	NGUYỄN HÙNG KHANG	DH13NL	<i>[Signature]</i>		4	10	5	5,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	13137074	MAI QUANG KHÁNH	DH13NL	<i>[Signature]</i>		4	10	7,5	7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	13115253	ĐINH TUẤN KIẾT	DH13GN	<i>[Signature]</i>		5	10	7	6,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
23	13115055	HUỲNH VÕ KIẾT	DH13GB	<i>[Signature]</i>		7	10	6	6,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	13115257	PHẠM THỊ NHƯ LIỆU	DH13CB	<i>[Signature]</i>		7	10	2	3,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	13138108	LÊ QUANG LINH	DH13TD	<i>[Signature]</i>		7	10	7,5	7,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	13115063	NGUYỄN BẢO LỘC	DH13CB	<i>[Signature]</i>		7	10	8	8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	13115064	LÊ ĐỨC LỢI	DH13GN	<i>[Signature]</i>		5	10	8,5	7,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
28	13115067	TRẦN Ý LY	DH13CB	<i>[Signature]</i>		8	10	7	7,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	13115073	THÁI TRUNG NAM	DH13CB							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	13115290	TRẦN NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	DH13GN	<i>[Signature]</i>		7	10	5	5,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

Số lượng vắng : 2

Hiện diện : 28

Cá nhân coi thi 1

Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

Cá nhân chấm thi 2

[Signature]
Phạm Quang Trung

[Signature]
Lê Văn Đức

[Signature]
TS. Đặng Hữu Dũng

[Signature]
Vũ Đình Bằng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày Thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi CT202 Nhóm : 04 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kết t	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
1	13115295	NGUYỄN THỊ MỸ	NGOC	DH13GN	<i>Ngoc</i>	7	10	7	7,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	13115079	ĐIÊN HỒNG	NHI	DH13GN	<i>Nhi</i>	7	10	8,5	8,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	13115310	HUỲNH CHÍ	NHON	DH13CB	<i>Nhon</i>	4	10	9	8,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	13115315	PHẠM THỊ HUỲNH	NHƯ	DH13CB	<i>Nhu</i>	7	8	4	5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	13118227	PHAN VĂN	NHỰT	DH13CC	<i>Nhut</i>	8	10	9	8,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
6	13115081	NGUYỄN THỊ ÁI	PHI	DH13GN	<i>Phi</i>	7	10	7	7,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	13115085	LÊ TÂN	PHƯỚC	DH13CB	<i>Phuoc</i>	8	10	7,5	7,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	13115337	TRƯƠNG NỮ HOÀI	PHƯƠNG	DH13CB	<i>Phuong</i>	7	10	8,5	8,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	13115351	HỒ PHÚC	QUY	DH13CB	<i>Quy</i>	6	10	8	7,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	13137116	NGUYỄN ĐỨC	REO	DH13NL	<i>Reo</i>	7	10	7	7,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	12154180	NGUYỄN VĂN	THÀNH	DH12OT	<i>Thanh</i>	6	9	7	7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	13115391	VÔ TẤN	THIỆU	DH13GN	<i>Thieu</i>	8	8	4	5,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	13115111	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	DH13GN	<i>Thinh</i>	9	10	4,5	5,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
14	13115112	NINH THỊ HỒNG	THỦY	DH13GN	<i>Thuy</i>	8	10	6,5	7,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	13115406	LÊ THÂN NHƯ	THỦY	DH13GN	<i>Tha</i>	7	10	7,5	7,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	13115113	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	DH13GN	<i>Thuy</i>	6	10	8,5	8,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	13115431	PHẠM NGUYỄN UYÊN	TRANG	DH13GN	<i>Uyen</i>	5	10	4,5	5,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	13115123	TRẦN THỊ THANH	TRANG	DH13CB	<i>Thanh</i>	7	10	7,5	7,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày Thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phóng thi CT202 Nhóm : 04 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (20%)	Điểm T. kết t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
19	13115434	TRƯƠNG THỊ HIỀN	TRANG	DH13GB	Trang	8	10	9	8,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13115127	NGUYỄN VĂN	TRÍ	DH13GN	Qu	4	10	3	3,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118364	TRƯƠNG CÔNG HOÀI	TRUNG	DH13CK	AF	7	10	4	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13154194	NGUYỄN NHẬT	TRƯỜNG	DH13OT	Tuân	5	10	3,5	4,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13137003	NGUYỄN TUẤN	TÚ	DH13NL	Tu	4	10	2,5	3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13115134	VÕ ĐÌNH	TÚ	DH13GN	Đình	6	10	6	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13115454	VÕ ANH	TUẤN	DH13GN	Tuân	4	8	8,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13115460	LÊ TIẾN	TÙNG	DH13CB	AF	6	10	2	3,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13115133	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	DH13GN	Ánh	7	10	7,5	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13115466	VÕ NHỰT	TUÔNG	DH13GN	Nhật	5	10	4	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13115480	TRẦN PHAN THANH	VŨ	DH13GN	Thanh	7	10	8	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13138259	TRƯƠNG BÌNH	YẾN	DH13TD	Bình	4	10	6	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 0

Hiệu diện : 30

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá n bộ chấm thi 1

Cá n bộ chấm thi 2

Phạm Duy Lam

Trần Văn Tiến

Th.S. Đặng Hữu Dũng

Vương Đình Cường

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện - 207109

Ngày Thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD201 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kế t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	13138033	DƯƠNG MINH	CƯƠNG	DH13TD	<i>Minh</i>	6,5	10	4,5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13137029	LÊ A	DÀNG	DH13NL	<i>A</i>	7	8	4,5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13137037	TRẦN NGỌC	DUY	DH13NL	<i>Ngoc</i>	5	8	7,5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13138046	PHAN THÀNH	ĐẠT	DH13TD	<i>Thanh</i>	✓				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13138047	NGÔ VIỆT	ĐÌNH	DH13TD	<i>Vi</i>	9	10	5,5	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13115026	NGUYỄN THÀNH	ĐỖ	DH13CB	<i>Th</i>	5,5	10	7,5	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13138003	LƯƠNG ĐÌNH	ĐÔNG	DH13TD	<i>Đinh</i>	8,5	10	9	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118121	NGUYỄN ĐOÀN	ĐỨC	DH13CK	<i>Đoàn</i>	5	10	3	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13138052	TÔ MINH	ĐỨC	DH13TD	<i>Minh</i>	6	8	3	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13154015	NGUYỄN TẤN	HẢI	DH13OT	<i>Tan</i>	5	10	3	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13138061	TRẦN MINH	HẢI	DH13TD	<i>Minh</i>	8	10	4	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13115209	VŨ XUÂN	HIỂN	DH13CB	<i>Xuân</i>	✓				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13115210	VŨ THỊ	HIỂN	DH13CB	<i>Thi</i>	9	10	7,5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13138068	HOÀNG MINH	HIẾU	DH13TD	<i>Minh</i>	3	8	1	2,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13334075	NGUYỄN HUY	HOÀNG	CD13CI	<i>Huy</i>	4	8	5,5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13115219	NGUYỄN THANH	HOÀNG	DH13CB	<i>Th</i>	5,5	10	9	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13138079	NGUYỄN TRẦN MINH	HOÀNG	DH13TD	<i>Minh</i>	5,5	8	4,5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13138005	ĐẬU VIỆT	HÙNG	DH13TD	<i>Vi</i>	5,5	10	4,5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện - 207109

Ngày Thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD201 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kết t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
19	13138093	BÙI ĐỨC	KHÁ	DH13TD	Kha	6	10	7,5	7,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13138097	TRẦN TIẾN	KHÔI	DH13TD	Phu	5,5	8	5	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13138109	TRẦN HOÀI	LINH	DH13TD	Phu	6	10	5,5	6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10169029	TRẦN PHAN THỊ THÚY	LINH	DH10GN	Thuy	7	8	8	7,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13115265	LÊ THỊ BÍCH	LOAN	DH13GB	Bich	6,5	10	5	5,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13138112	ĐẶNG THÀNH	LỢI	DH13TD	Th	7	10	7,5	7,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13138260	HOÀNG ĐỨC	LƯƠNG	DH13TD	Luc	5	8	3,5	4,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13138116	VÕ TẤN	LÝ	DH13TD	Ly	8	10	3	4,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12344127	VÕ TÁ	MANH	CD12CI		Y				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13138010	NGUYỄN NGỌC	NAM	DH13TD	Nam	6	10	4,5	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13138140	LÊ THỊ HUỲNH	NHƯ	DH13TD	Phu	7,5	10	7,5	7,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13138148	PHẠM KHÁNH	PHI	DH13TD	Phu	6	10	4,5	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 03 Hiện diện : 27

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá n bộ chấm thi 1

Cá n bộ chấm thi 2

Nguyễn Hải Đăng
Trần Văn Nghĩa

Trần Văn Nghĩa

Vương Đình Bình

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện - 207109

Ngày Thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD202 Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi (20%)	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13138153	HUỖNH HOÀNG	PHÙ	DH13TD	<i>Hoàng</i>	8	10	6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13138156	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	DH13TD	<i>Phúc</i>	8	10	0,5	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13138163	PHẠM LƯU	PHƯỚC	DH13TD	<i>Phước</i>	3	8	6	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13138165	MẠNH HỒNG	QUẢN	DH13TD	<i>Hoàng</i>	6,5	10	5,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13138168	BÙI CÔNG	QUYÊN	DH13TD	<i>Quỳnh</i>	7	10	7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12118022	ĐÌNH CÔNG	SƠN	DH12CK	<i>Sơn</i>	5,5	9	6	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13138178	NGÔ QUỐC	SỬ	DH13TD	<i>Sử</i>	8	10	6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13138200	LÊ NGỌC	THẠCH	DH13TD	<i>Thạch</i>	6	10	8,5	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13138192	PHẠM VĂN	THANH	DH13TD	<i>Thanh</i>	5,5	10	3	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12115259	NGUYỄN MINH TRUNG	THÀNH	DH12GN						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13138198	PHAN TIẾN	THÀNH	DH13TD	<i>Phan</i>	6,5	10	6	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13115385	NGUYỄN NGỌC	THẠNH	DH13CB	<i>Phúc</i>	8	10	8	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118275	ĐẶNG ANH	THẢO	DH13CK	<i>Phúc</i>	6,5	10	9	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13138201	VĂN THIÊN	THẮNG	DH13TD	<i>Thắng</i>	5,5	8	4	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13138206	NGUYỄN HOÀNG	THỊ	DH13TD	<i>Phúc</i>	7,5	10	6	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13138211	TỔNG TRẦN	THÔNG	DH13TD	<i>Thảo</i>	7	10	3,5	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13115119	ĐẶNG THỊ CẨM	TIÊN	DH13GB	<i>Thi</i>	6	10	7,5	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13138217	NGUYỄN ĐỨC	TIẾN	DH13TD	<i>Thi</i>	4	10	8	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thí HD202 Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (100)	Điểm T. kết t	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
19	12115034	TRẦN HỮU TRANG	DH12CB	Trang	6	10	5,5	6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13138018	NGUYỄN THANH TRUNG	DH13TD	Trung	7	10	7,5	7,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13138233	TRƯỜNG MINH TRUNG	DH13TD	Minh	5	10	6	6,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13138248	NGUYỄN THANH TÚ	DH13TD	Tú	7,5	10	7	7,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118333	NGUYỄN ANH TUẤN	DH13CC	Anh	3	10	3,5	4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154208	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	DH12OT	Hoàng	5,5	10	1,5	3,1		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13138020	TRẦN THANH TUẤN	DH13TD	Thanh	6	10	6	6,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13154207	VŨ THANH VÂN	DH13OT	Vân	7	10	7	7,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12115115	NGUYỄN TRÍ VIỄN	DH12GN	Trí						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13138251	ĐỖ NGỌC VIỆT	DH13TD	Ngọc	6,5	10	6	6,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13138253	PHẠM TIẾN VIỆT	DH13TD	Tiến	5,5	8	9,5	8,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13115485	LÊ NGUYỄN HOÀNG YẾN	DH13CB	Yến	5	10	3	4,1		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiệu diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

(Signature)
Ng. Hoàng Khoa
Nguyễn Duy Nguyễn

(Signature)
Th.S. Đặng Hải Dũng

(Signature)
Nguyễn Đình Bằng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD303 Nhóm : 06 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13115150	TRẦN THỊ LAN	ANH	DH13CB	<i>ds</i>	1	8	10	3,5	5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	12154026	VÕ QUANG	BÌNH	DH12OT	<i>vl</i>	1	5,5	10	4	4,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
3	13138031	LÊ BÀ	CÔNG	DH13TD	<i>lb</i>	1	8	10	7	7,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	13138001	HOÀNG VÂN	DŨNG	DH13TD	<i>hv</i>	1	8	10	6,5	7,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	12154148	NGUYỄN TRIỆU	ĐÌNH	DH12OT	<i>V</i>						☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	12154080	NGUYỄN PHƯƠNG	ĐÔNG	DH12OT	<i>pf</i>	1	6	10	7	7,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	13138051	NGÔ LỘC TRƯỜNG	ĐỨC	DH13TD	<i>nl</i>	1	5	10	9	8,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	13118011	TRẦN ĐÌNH	ĐỨC	DH13CK	<i>td</i>	1	6	10	7,5	7,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	13138058	CAO XUÂN	HẢI	DH13TD	<i>cx</i>	1	10	10	3	5,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	13138067	NGUYỄN TRUNG	HẬU	DH13TD	<i>ht</i>	1	10	10	7	7,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
11	13138074	KIỀU VIẾT	HIỆP	DH13TD	<i>kv</i>	1	6	10	4	5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	13138073	PHẠM TRUNG	HIỂU	DH13TD	<i>pt</i>	1	8	10	3,5	5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	13138080	HUYỀN LÊ PHÚC	HÒA	DH13TD	<i>hl</i>	1	8	10	5,5	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	13115214	HỒ XUÂN	HOÀNG	DH13CB	<i>hx</i>	1	8	10	3	4,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	13138085	HOÀNG THANH	HÙNG	DH13TD	<i>ht</i>	1	10	10	2,5	4,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	13115235	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	DH13CB	<i>nm</i>	1	8	10	1	3,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	13115231	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	DH13GN	<i>nt</i>	1	8	8	9	8,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	13138091	LÂM TÂN	KHA	DH13TD	<i>lt</i>	1	6	10	7,5	7,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phóng thi HD303 Nhóm : 06 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi (100)	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13115056	PHẠM VŨ	KIỆT	DH13CB	Kiệt	1	6	10	4,5	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13118190	TRẦN VĂN	LA	DH13CC	Trần Văn	1	5	10	6	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10134011	NGUYỄN PHÚC	LONG	DH10GB	Long	1	7	7	3	4,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13334111	TRẦN VĂN	LỘC	CD13CI	Trần Văn	1	6	10	2	3,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13138118	NGUYỄN VĂN	MẾN	DH13TD	Nguyễn Văn	1	10	10	7,5	8,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13138128	NGUYỄN TIẾN	NGỌC	DH13TD	Nguyễn Tiến	1	5	10	6	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13138129	TRƯƠNG VĂN	NGỌC	DH13TD		V					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13138136	NINH QUANG	NHẬT	DH13TD	Ninh Quang	1	8	10	8,5	8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13154157	LÊ HỒNG	PHONG	DH13OT	Le Hong	1	5	3	0	1,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13137104	NGUYỄN TẤN	PHONG	DH13NL	Nguyễn Tấn	1	6	6	7	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13118236	ĐẶNG ĐÌNH	PHỖ	DH13CC	Pho	1	5	10	9	8,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13115329	NGÔ THỊ MINH	PHÚC	DH13CB	Ngô Thị Minh	1	8	10	4	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13118238	HÀ THANH	PHƯƠNG	DH13CC	Ha Thanh	1	4	10	7,5	7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13115084	NGUYỄN HOÀNG	PHƯƠNG	DH13GB	Phuoc	1	8	10	4,5	5,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13118241	NGÔ DUY	QUANG	DH13CK	Ngô Duy	1	6	10	9	8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13138166	NGÔ NGUYỄN MINH	QUẢN	DH13TD		V					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13138171	LÊ TUẤN	SANG	DH13TD	Le Tuan	1	8	10	8,5	8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13138172	NGUYỄN VĂN	SANG	DH13TD	Nguyen Van	1	5	10	9	8,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày Thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phó ng thi HD303 Nhóm : 06 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tô	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi (20%)	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13138174	TRẦN THỊ SÁNG	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	10	10	3,5	5,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	13138175	BÙI THÁI SƠN	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	7	10	7,5	7,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	13118260	LÊ NGUYỄN THÀNH TÀI	DH13CC	<i>[Signature]</i>	1	5	10	9	8,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	13138190	TRẦN VĂN TẤN	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	8	10	5	6,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
41	13138195	HÀ ĐÌNH THÁNH	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	8	10	4	5,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
42	13138205	VƯƠNG BẢO THẾ	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	6	8	5	5,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
43	13138207	HUỶNH NGỌC THIÊN	DH13TD		V					☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
44	13138208	NGUYỄN VĂN THIÊN	DH13TD		V					☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
45	13138210	TRƯƠNG VĂN THOẠI	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	8	10	7,5	7,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
46	13138220	TRƯƠNG TẤN TÌNH	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	6	10	6	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
47	13334215	PHẠM MINH TOÀN	CD13CI	<i>[Signature]</i>	1	5	10	5	5,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
48	13138223	ĐÌNH QUỐC TOÁN	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	10	10	6	7,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
49	11158025	LÊ VĂN TRÀ	DH12SK	<i>[Signature]</i>	1	6	10	1	2,9	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
50	13118308	PHẠM VĂN TRĂNG	DH13CC	<i>[Signature]</i>	1	6	10	8	7,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
51	13138229	MAI MINH TRÍ	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	6	10	5	5,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
52	13138231	LÊ MINH TRỌNG	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	5	10	5	5,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
53	13118318	NGUYỄN ĐỨC	DH13CC	<i>[Signature]</i>	1	6	10	5	5,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
54	13138238	NGÔ VŨ MINH TUẤN	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	8	10	7	7,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện - 207109

Ngày Thi : 19/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD303 Nhóm : 06 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số lũ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
55	13138240	PHẠM ANH TUẤN	DH13TD	Anh	1	6	10	3,5	4,6	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	13118338	PHẠM MINH TUẤN	DH13CC	Minh	1	6	8	4,5	5,1	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	13138249	NGUYỄN KHÁNH TƯỜNG	DH13TD	Trang	1	5	10	5,5	5,8	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	13138254	PHẠM VĂN VIỆT	DH13TD	Viet	1	6	10	6	6,4	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	13138022	NGÔ QUỐC VƯƠNG	DH13TD	Quoc	1	7,5	10	3,5	4,9	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 05 Hiện diện : 54

Cá nhân coi thi 1

Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

Cá nhân chấm thi 2

Trần Quang Hải

Nguyễn Hải Triều

Th.S. Đặng Hữu Dũng

Vương Đình Bấy

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử - 207110

Ngày thi : 12/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD104 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số từ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12137001	ĐỖ HOÀNG ÁI	DH12NL	<i>Ái</i>		9	8	6	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13153001	NGUYỄN VĂN BÀ	DH13CD	<i>Bà</i>		9	8	4	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13153002	KIM THANH BẠCH	DH13CD	<i>Bạch</i>		9	9	6	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13153038	THÁI QUANG BẢO	DH13CD	<i>Bảo</i>		9	10	7	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13153281	NGUYỄN HỮU CẢNH	DH13CD	<i>Cảnh</i>						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118091	NGUYỄN DUY CƯỜNG	DH13CK	<i>Cường</i>		9	8	5	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13153283	VÔ QUỐC DANH	DH13CD	<i>Danh</i>		9	9	7	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12344030	TRẦN ANH DŨNG	CD12CI	<i>Dũng</i>		9	5	3	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13153054	LÂM THÁI DUY	DH13CD	<i>Duy</i>		4	9	2	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13153068	MAI QUỐC ĐẠT	DH13CD	<i>Đạt</i>		9	6	4	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13153076	LÊ KHÁI ĐỊNH	DH13CD	<i>Định</i>		5	9	4	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13153077	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	DH13CD	<i>Định</i>		9	9	3	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12137012	NGUYỄN VĂN ĐUA	DH12NL	<i>Đua</i>		9	9	6	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13118123	TRỊNH ĐÌNH THANH ĐỨC	DH13CK	<i>Đức</i>		7	7	5	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13153084	NGUYỄN TRÚC GIANG	DH13CD	<i>Giăng</i>		9	9	5	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12118104	TRẦN ĐỨC GIÁP	DH12CK	<i>Giáp</i>		9	9	8	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344143	HỒ VĂN HÀ	CD12CI	<i>Hà</i>						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154005	LÊ TẤN HOÀN	DH12OT	<i>Hoàn</i>		9	9	7	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày Thi : 12/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD104 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	Ký tên	Số từ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13153106	NGUYỄN HUY	HOÀNG	DH13CD	<i>Hoàng</i>		9	9	5	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13153108	BÀN THẾ	HỒNG	DH13CD	<i>Hồng</i>		9	7	4	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13153110	DOÃN ĐỨC	HUY	DH13CD	<i>Phu</i>		9	7	3	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13153009	NGÔ THANH	HUY	DH13CD	<i>Th</i>		9	8	6	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13153120	TRƯƠNG NGỌC	HƯNG	DH13CD	<i>Hưng</i>		9	9	8	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13153123	TRẦN MINH	KHA	DH13CD	<i>Kh</i>		9	9	4	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13153124	NGUYỄN TRỌNG	KHANG	DH13CD	<i>Khang</i>		9	7	2	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13118186	ĐÀO XUÂN	KHÔI	DH13CK	<i>Phu</i>		0	0	0	0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13153010	NGUYỄN ANH	KHÔI	DH13CD	<i>Kh</i>		9	9	6	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13153136	NGUYỄN NHẬT	KING	DH13CD	<i>King</i>		8	8	8	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13153142	NGUYỄN VĂN	LÂM	DH13CD	<i>Phu</i>		9	8	4	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13153011	CHU VĂN	LONG	DH13CD	<i>Long</i>		8	9	5	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12118058	NGUYỄN TẤN	LỘC	DH12CC	<i>Phu</i>		3	7	2	3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13153146	TRẦN TẤN	LỢI	DH13CD	<i>L</i>		9	8	7	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13153147	VÕ THÀNH	LUÂN	DH13CD	<i>Luân</i>		9	9	2	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13153150	NGUYỄN TIỀN	MẠNH	DH13CD	<i>Phu</i>		9	7	0	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13153014	TRỊNH ĐÌNH	MINH	DH13CD	<i>Phu</i>		9	6	2	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13153152	ĐẶNG HOÀNG	NAM	DH13CD	<i>Phu</i>		9	7	4	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử - 207110

Ngày Thi : 12/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD104 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	07153064	NGUYỄN VĂN NGHĨ	DH08CD17							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12138044	PHẠM PHÚC	DH12TD			9	6	0	3,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13153168	NGUYỄN HOÀNG MINH	DH13CD			9	7	3	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 03

Hiện diện : 36

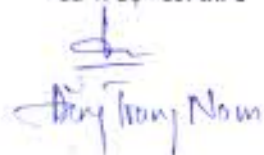
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

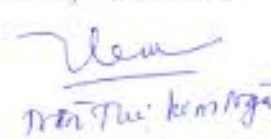
Cán bộ chấm thi 1

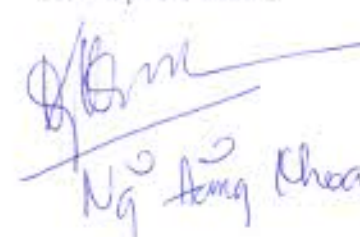
Cán bộ chấm thi 2


Đinh Trung Nam


Trần Văn Nghĩa


Võ Văn Bình


Trần Thị Kim Nga


Nguyễn Công Khoa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử - 207110

Ngày Thi : 12/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi RD105 Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ trò n điểm m phầ n nguyên n	Tổ trò n điểm m phầ n lẻ
1	13153171	ĐOÀN TRẦN THANH PHONG	DH13CD	<i>Phong</i>		6	6	2	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	12153093	HỒ VINH	DH12CD	<i>Vinh</i>		5	7	3	4,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	12154090	TRẦN HỮU PHƯƠNG	DH12OT	<i>Huong</i>		9	7	6	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	13153018	DIỆP CHÍ QUÂN	DH13CD	<i>Quân</i>		6	6	2	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	12153070	VÕ HIỀN QUÂN	DH12CD	<i>Quân</i>		9	7	6	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	13153191	LÊ TRỌNG QUỐC	DH13CD	<i>Quoc</i>		9	9	4	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	13153196	THẦN VÂN QUYẾT	DH13CD	<i>Quyết</i>		9	7	8	8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	12137038	VÕ DUY SƠN	DH12NL							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	13153202	NGUYỄN TẤN SỸ	DH13CD	<i>Tan</i>		9	7	8	8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	12344113	VŨ THIÊN TÂM	CD12CI	<i>Tam</i>		9	7	5	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	13138185	LÊ DUY TẤN	DH13TD	<i>Tan</i>		9	7	1	4,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	13153206	NGUYỄN HÀ TÂN	DH13CD							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	12154132	NGUYỄN MINH TÂN	DH12OT	<i>Tan</i>		9	7	1	4,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	13153023	TĂNG THÀNH THẢO	DH13CD	<i>Thao</i>		8	9	1	4,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	13153213	NGUYỄN HỒNG THẮNG	DH13CD	<i>Thang</i>		9	10	8	8,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	13118052	CAO NGỌC THÂN	DH13CC	<i>Than</i>		9	8	9	8,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	10158083	NGUYỄN VĂN THẾ	DH10SK							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	13153024	LÊ VĂN THUẬN	DH13CD	<i>Thuan</i>		3	9	4	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày Thi : 12/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD105 Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12137058	NGÔ HỮU	TOÀN	DH12NL	1	9	8	4	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	13334216	PHẠM VĂN	TOÀN	CD13CI	1	9	6	0	3,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	13153240	NGUYỄN CÔNG	TRIỂN	DH13CD	1	9	9	2	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	13153246	TỬ SỸ	TRUNG	DH13CD	1	3	0	3	2,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	13153251	NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	DH13CD	1	9	9	0	4,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	12138103	PHẠM VĂN	TRƯỜNG	DH12TD	1	5	5	6	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	12344148	TRẦN MINH	TÚ	CD12CI	1	9	6	2	4,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	13153255	LÊ NGỌC TRIỆU	TUẤN	DH13CD	1	6	7	3	4,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	12137051	PHẠM ANH	TUẤN	DH12NL	1	9	7	2	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	13153026	PHẠM LÂM ANH	TUẤN	DH13CD	1	9	1	2	3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	13153259	TRẦN THANH	TUẤN	DH13CD	1	8	8	2	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	13153260	NGUYỄN HUY	TUỆ	DH13CD	1	3	0	2	1,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	13153261	TRƯƠNG VĂN	TUY	DH13CD	1	0	8	3	3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	13153268	NGUYỄN CAO	VĂN	DH13CD	1					(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	13153269	VÕ THÀNH	VĂN	DH13CD	1	9	8	5	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
34	13153272	ĐÌNH QUỐC	VŨ	DH13CD	1	9	9	1	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
35	13153031	TRẦN THẾ	VƯƠNG	DH13CD	1	8	7	2	4,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày Thi : 12/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD200 Nhóm : 06 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
1	12138027	LƯƠNG THẾ ANH	DH12TD	<i>LA</i>		9	8	0	4,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	13153036	NGUYỄN XUÂN ẤT	DH13CD	<i>AN</i>		9	8	3	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	13153043	PHAN NGỌC CAO	DH13CD	<i>GO</i>		4	8	8	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	13334025	VỊ VĂN CHƯƠNG	CD13CI	<i>VI</i>		3	7	2	3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	13153059	NGUYỄN QUỐC DŨNG	DH13CD	<i>QU</i>		3	8	2	3,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	12344032	NGUYỄN TRÚNG DƯƠNG	CD12CI	<i>TR</i>		4	7	2	3,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	13153063	TRẦN VĂN DƯƠNG	DH13CD	<i>TR</i>		9	6	7	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	13153005	ĐẶNG HỮU ĐỀ	DH13CD	<i>DE</i>		3	7	5	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	13153078	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	DH13CD	<i>DI</i>		7	9	1	4,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	13334049	NGUYỄN HUY ĐÔNG	CD13CI	<i>DO</i>		3	0	0	0,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	13153007	PHẠM TIẾN ĐỨC	DH13CD	<i>DU</i>		8	6	0	3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	13153093	PHÙNG VĂN HẬU	DH13CD	<i>HA</i>		3	8	4	4,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	13153104	HÀ LÝ GIA HOÀNG	DH13CD	<i>HA</i>		9	7	1	4,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	13138085	HOÀNG THANH HÙNG	DH13TD	<i>HA</i>		9	8	8	8,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	13118020	NHỮ SỸ HÙNG	DH13CK	<i>HA</i>		3	8	6	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	13153114	NGUYỄN HUỲNH QUANG HUY	DH13CD	<i>QU</i>		9	8	6	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	13153115	NGUYỄN PHÚC HUY	DH13CD	<i>PH</i>		9	8	6	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	13118161	HOÀNG PHẠM THANH HUỲNH	DH13CK	<i>HA</i>		3	8	2	3,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày Thi : 12/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD200 Nhóm : 06 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi T. kế t	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13153122	MAI ĐỨC HỮU	DH13CD	<i>[Signature]</i>	25	5	7	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11118010	SENG ALOUN KASEUTH	DH11CC	<i>[Signature]</i>	25	7	3	1	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11158042	VÕ MINH KHA	DH11SK							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118181	NGUYỄN VĂN KHÁNH	DH13CK	<i>[Signature]</i>		9	7	4	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13153128	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	DH13CD	<i>[Signature]</i>		9	8	6	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13153129	NGUYỄN ĐÌNH ĐĂNG KHOA	DH13CD	<i>[Signature]</i>		9	8	8	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13138097	TRẦN TIẾN KHÔI	DH13TD	<i>[Signature]</i>		0	0	2	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13153144	TRƯƠNG VĂN LÊ	DH13CD	<i>[Signature]</i>		9	8	9	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13118200	ĐẶNG HOÀNG LONG	DH13CK	<i>[Signature]</i>		9	8	1	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13153012	NGUYỄN HỮU LỘC	DH13CD	<i>[Signature]</i>		7	7	3	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10137018	HỒ TRÍ LUÂN	DH10NL	<i>[Signature]</i>		9	0	4	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13334117	NGUYỄN CÔNG LỰC	CD13CI	<i>[Signature]</i>		3	0	0	0,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13138260	HOÀNG ĐỨC LƯƠNG	DH13TD	<i>[Signature]</i>		9	7	1	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13153156	PHẠM NGỌC NAM	DH13CD	<i>[Signature]</i>		3	7	6	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13153161	CAO DĨNH NGUYỄN	DH13CD	<i>[Signature]</i>		0	8	6	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13153165	NGUYỄN THÀNH NHÂN	DH13CD	<i>[Signature]</i>		9	8	8	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13153166	PHAN THÀNH NHÂN	DH13CD	<i>[Signature]</i>		9	7	3	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13153170	LÊ MINH PHI	DH13CD	<i>[Signature]</i>		8	8	4	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày Thi : 12/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD200 Nhóm : 06 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
37	13154157	LÊ HỒNG PHONG	DH13OT	<i>Le Hong Phong</i>		8	7	4	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	13153173	NGUYỄN VĂN PHONG	DH13CD	<i>Phong</i>		9	3	3	4,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	13118040	NGUYỄN VĂN PHUNG	DH13CK	<i>Phung</i>		3	8	3	4,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	13153181	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	DH13CD	<i>Phuong</i>		2	7	4	4,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
41	13153017	HỒ VĂN QUANG	DH13CD	<i>Ho</i>		3	8	7	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	13118241	NGÔ DUY QUANG	DH13CK	<i>Nguyen</i>		9	7	9	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	12154247	NGUYỄN CHÁNH QUANG	DH12OT	<i>Chanh</i>		9	8	7	7,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
44	13153186	TRẦN MINH QUANG	DH13CD							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
45	13153197	DƯƠNG QUYNH	DH13CD	<i>Duong</i>		9	7	8	8,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
46	10118009	TRẦN VĂN SANG	DH10CK	<i>Sang</i>		4	6	3	2,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
47	13118255	HỒ HOÀNG SƠN	DH13CK	<i>Son</i>		3	8	1	3,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
48	13153020	HỒ HOÀNG TÂM	DH13CD	<i>Hoang</i>		3	8	1	3,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
49	13153021	CAO THANH TÂN	DH13CD	<i>Tan</i>		6	7	5	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
50	13138189	VĂN THÁNH TÂN	DH13TD	<i>Van</i>		3	8	5	5,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
51	12118092	NGUYỄN CHÍ THANH	DH12CK	<i>Chi</i>		9	7	2	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
52	13334181	TRẦN VĂN THÀNH	CD13CI	<i>Thanh</i>		9	0	0	2,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
53	13153211	HUYỀN VÕ MINH THĂNG	DH13CD	<i>Minh</i>		9	0	2	3,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
54	13138205	VƯƠNG BẢO THẾ	DH13TD	<i>The</i>		3	6	2	3,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày Thi : 12/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD200 Nhóm : 06 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (25%)	Đ 2 (25%)	Điểm thi 50%	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
55	13153215	HÀN VĂN THI	DH13CD	<i>M. H. Thi</i>		9	7	6	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	13153219	TÔN THẮT THIÊN	DH13CD	<i>T. Th. Thiên</i>		7	7	4	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	13153223	TRẦN HỮU THỌ	DH13CD	<i>T. H. Thọ</i>		9	8	3	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	13153222	TRƯƠNG PHI THOÀN	DH13CD	<i>T. P. Hoàn</i>		3	8	1	3,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	13118286	PHAN MINH THÔNG	DH13CK	<i>P. M. Thông</i>		9	7	1	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	13334209	PHẠM THÀNH TIÊN	CD13CI	<i>P. T. Tiên</i>		3	0	0	0,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	13153229	LÊ QUYẾT TIẾN	DH13CD	<i>L. Q. Tiến</i>		9	7	4	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	13138219	HỒ TIẾP	DH13TD	<i>H. T. Tiếp</i>		9	8	5	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	13153238	MAI THANH TÍNH	DH13CD	<i>M. T. Tính</i>		9	7	2	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	13138223	ĐINH QUỐC TOÀN	DH13TD	<i>D. Q. Toàn</i>		9	8	8	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	13153243	NGUYỄN LÊ MINH TRÍ	DH13CD	<i>N. L. Minh</i>		9	7	2	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	13153244	NGUYỄN THANH TRÍ	DH13CD	<i>N. T. Trí</i>		9	7	2	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	13118310	BÙI THANH TRIỂN	DH13CK	<i>B. T. Triển</i>		9	7	6	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	13334219	NGUYỄN VĂN TRIỀU	CD13CI	<i>N. V. Triều</i>		2	5	2	2,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	13153285	NGUYỄN QUANG TRUNG	DH13CD	<i>N. Q. Trung</i>		8	8	2	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	13153245	NGUYỄN TIẾN TRUNG	DH13CD	<i>N. T. Trung</i>		9	7	1	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	13118332	LÊ QUỐC TUẤN	DH13CK	<i>L. Q. Tuấn</i>		9	8	2	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	13334233	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	CD13CI	<i>N. H. Tuấn</i>		3	7	1	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày thi : 12/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD200 Nhóm : 06 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
73	13153028	NGÔ TẤN VINH	DH13CD	Vinh		9	8	0	4,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
74	13153275	LÊ VĂN VŨ	DH13CD	Vũ		9	8	8	8,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
75	13153030	TẠ NGỌC SƠN	DH13CD	Sơn		9	7	0	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng : 2

Hiện diện : 33

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phan Minh Hiền

Vinh
Lê Văn Vũ

Vinh
Nguyễn Đình Bình

Vinh
Trần Thị Kim Nga

Vinh
Nguyễn Hồng Khoa

CB 3
Huyền & Diễm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử - 207110

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV227 Nhóm : 07 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						20	20	60%			
1	12154181	HOÀNG LÊ ANH	DH12OT	<i>anh</i>	1	9,0	6,0	2,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13138027	BÙI MINH BẢO	DH13TD	<i>minh</i>	1	10	8,0	4,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12138115	BÙI VĂN BẢO	DH12TD	<i>van</i>	1	9,0	6,0	6,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13153042	TA VĂN BÌNH	DH13CD	<i>ta</i>	1	9,0	8,0	5,0	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12118015	NGUYỄN HỮU CHIẾN	DH12CC	<i>chi</i>	1	9,0	6,0	3,0	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13138029	NGÔ THẾ CHUNG	DH13TD	<i>chung</i>	1	9,0	8,0	9,5	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13138030	TRẦN HUY CHUONG	DH13TD	<i>tr</i>	1	9,0	5,0	5,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13138031	LÊ BÁ CÔNG	DH13TD	<i>ba</i>	1	9,0	7,0	7,0	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13115010	TRẦN NGUYỄN PHÚ CƯỜNG	DH13CB	<i>cu</i>	1	9,0	5,0	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13138001	HOÀNG VĂN DŨNG	DH13TD	<i>van</i>	1	9,0	7,0	2,0	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13138042	QUÁCH ĐÌNH DŨNG	DH13TD	<i>di</i>	1	9,0	5,0	5,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13138046	PHAN THÀNH ĐẠT	DH13TD		V					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13334253	TRẦN TIẾN ĐẠT	CD13CI	<i>dat</i>	1	9,0	0	0	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13153004	TRƯƠNG NGUYỄN TIẾN ĐẠT	DH13CD	<i>dat</i>	1	9,0	7,0	5,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13138047	NGÔ VIỆT ĐỊNH	DH13TD	<i>di</i>	1	10	6,0	7,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13115190	TRẦN CÔNG ĐỊNH	DH13CB	<i>di</i>	1	9,0	6,0	1,0	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13115025	TRẦN QUANG ĐỊNH	DH13CB	<i>qu</i>	1	9,0	5,0	3,5	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13138003	LƯƠNG ĐÌNH ĐỒNG	DH13TD	<i>dong</i>	1	9,0	8,0	4,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày thi : 21/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi PV227 Nhóm : 07 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
						20	20	60%			
19	13138051	NGÔ LỘC TRƯỜNG	ĐỨC	DH13TD	1	10	7,0	2,5	4,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13138052	TÔ MINH	ĐỨC	DH13TD	1	9,0	9,0	5,5	5,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154003	ĐẶNG VĂN ÚT	EM	DH12OT	1	10	6,0	7,5	7,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13138054	TỔNG THỊ THU	HẢI	DH13TD	1	9,0	9,0	9,5	9,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13138058	CAO XUÂN	HẢI	DH13TD	1	10	9,0	4,5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13138060	PHAN HỒNG	HẢI	DH13TD	1	8,0	8,0	5,5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13138061	TRẦN MINH	HẢI	DH13TD	1	10	10	5,0	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13138067	NGUYỄN TRUNG	HẬU	DH13TD	1	9,0	10	7,0	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13138074	KIỀU VIỆT	HIỆP	DH13TD	1	9,0	7,0	2,0	4,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10154013	PHẠM VĂN	HIỆP	DH10OT	1	7,0	5,0	4,5	5,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13154108	ĐỖ MINH	HIỆU	DH13OT	1	6,0	9,0	2,5	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13138068	HOÀNG MINH	HIỆU	DH13TD	1	9,0	6,0	7,0	7,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13138073	PHẠM TRUNG	HIỆU	DH13TD	1	10	9,0	8,0	8,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13153101	THÁI TRƯƠNG	HIỆU	DH13CD	✓					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13138080	HUYỀN LÊ PHÚC	HÒA	DH13TD	1	10	6,0	2,5	4,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 2

Hiệu điện : 31

Cá nhân coi thi 1

Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

Cá nhân chấm thi 2

Trần Văn Tuấn

Cao Đức Lợi

Lê Văn Ban

Lê Quang Hiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử - 207110

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV315 Nhóm : 07 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
						20	20	60%			
1	11154007	ĐẶNG MINH HOÀNG	DH11OT	<i>Hoàng</i>	1	10	6,0	4,5	4,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	13138263	HẠP TIẾN	DH13TD	<i>V</i>	V					(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	13334074	LƯƠNG VĂN HOÀNG	CD13CI	<i>Lương Văn</i>	1	9,0	6,0	4,5	5,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	13115217	NGUYỄN MINH HOÀNG	DH13CB	<i>Minh</i>	1	9,0	6,0	3,0	4,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	13138079	NGUYỄN TRẦN MINH HOÀNG	DH13TD	<i>Hoàng</i>	1	6,0	6,0	3,0	4,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	12118113	PHAN THÁI HỌC	DH12CK	<i>Học</i>	1	9,0	6,0	6,0	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	13138005	ĐẬU VIỆT HÙNG	DH13TD	<i>Hùng</i>	1	10	6,0	2,0	4,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	13138086	PHẠM PHÚ HÙNG	DH13TD	<i>V</i>	V					(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	13138089	TÔ VĂN HÙNG	DH13TD	<i>Hùng</i>	1	10	8,0	2,5	5,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	12118084	TRẦN QUANG HÙNG	DH12CC	<i>Quang</i>	1	9,0	6,0	3,5	5,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	13138090	HÀ VĂN HƯƠNG	DH13TD	<i>Hà</i>	1	9,0	8,0	6,0	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	13138006	ĐÀO THANH HỮU	DH13TD	<i>Thanh</i>	1	9,0	7,0	4,0	5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	13138091	LÂM TẤN KHA	DH13TD	<i>Kha</i>	1	9,0	7,0	3,0	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	12138056	PHẠM NGỌC KHA	DH12TD	<i>V</i>	V					(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	13138093	BÙI ĐỨC KHẢ	DH13TD	<i>Kha</i>	1	9,0	10	5,5	7,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	13138007	TRẦN NGỌC KHAI	DH13TD	<i>V</i>	V					(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	13153125	NGUYỄN MINH KHANH	DH13CD	<i>Minh</i>	1	9,0	10	8,0	8,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	13153127	PHẠM QUỐC KHÁNH	DH13CD	<i>Quốc</i>	1	10	7,0	5,0	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV315 Nhóm : 07 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						20	20	60%			
19	13138096	VŨ ANH	KHOA	DH13TD	1	9,0	8,0	0,5	3,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12138126	NGUYỄN DUY	KHƯƠNG	DH12TD	1	9,0	5,0	2,0	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	13138098	VŨ VĂN	KHƯƠNG	DH13TD	1	9,0	8,0	0,5	3,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	13153138	TRẦN QUANG	KỸ	DH13CD	1	00	8,0	1,0	2,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	13334106	NGUYỄN VĂN	LÂN	CD13CI	1	00	00	5,0	3,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	13138008	PHAN XUÂN	LIÊM	DH13TD	1	9,0	5,0	7,5	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	13138108	LÊ QUANG	LINH	DH13TD	1	9,0	6,0	5,5	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	12344048	NHỮ VĂN	LINH	CD12CI	1	9,0	5,0	5,5	6,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	13138109	TRẦN HOÀI	LINH	DH13TD	1	9,0	9,0	6,5	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	13138009	NGUYỄN KIM HẢI	LONG	DH13TD	1	9,0	5,0	4,0	5,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng mặt: 04

Hiệu điểm: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đang Tuy Nhiên

Ph Lê Bá Xích

Lê Văn Bình

Lê Quang Hải

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV319 Nhóm : 07 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
					20	20	60%				
1	13334111	TRẦN VĂN LỘC	CD13CI	<i>Đạt</i>	1	9,0	6,0	2,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13138112	ĐẶNG THÁNH LỢI	DH13TD	<i>Đạt</i>	1	9,0	7,0	7,0	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13138113	PHẠM HỮU LUÂN	DH13TD	<i>Đạt</i>	1	9,0	0,0	0,5	2,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13115270	TRƯƠNG CÔNG LUÂN	DH13CB	<i>Đạt</i>	1	9,0	6,0	4,5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13138116	VÕ TẤN LÝ	DH13TD	<i>Đạt</i>	1	9,0	8,0	0,5	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13138117	NGUYỄN QUỐC MANH	DH13TD	<i>Đạt</i>	1	8,0	6,0	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13138118	NGUYỄN VĂN MÊN	DH13TD	<i>Đạt</i>	1	9,0	1,0	4,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118208	BÙI LƯƠNG BẢO MINH	DH13CX	<i>Đạt</i>	1	8,0	9,0	3,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13154035	CHÂU VĨNH MINH	DH13OT	<i>Đạt</i>	1	9,0	6,5	4,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118209	ĐỖ VĂN MINH	DH13CX	<i>Đạt</i>	1	9,0	6,0	3,5	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12118008	LƯƠNG HỮU MINH	DH12CC	<i>Đạt</i>	1	9,0	6,0	5,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13138010	NGUYỄN NGỌC NAM	DH13TD	<i>Đạt</i>	1	10	7,0	2,5	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13138011	TRẦN NHẬT NGHĨA	DH13TD	<i>Đạt</i>	1	10	7,0	3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12118064	NGUYỄN THÁI NGỌC	DH12CX	<i>Đạt</i>	1	9,0	6,0	2,0	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13138128	NGUYỄN TIẾN NGỌC	DH13TD	<i>Đạt</i>	1	9,0	8,0	3,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13138129	TRƯƠNG VĂN NGỌC	DH13TD	<i>Đạt</i>	1	9,0	8,0	3,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13138140	LÊ THỊ HUỲNH NHƯ	DH13TD	<i>Đạt</i>	1	9,0	10	10	9,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13138148	PHẠM KHÁNH PHI	DH13TD	<i>Đạt</i>	1	9,0	7,0	4,0	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV319 Nhóm : 07 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						20	20	60%			
19	13118232	BÙI TẤN	PHONG	Phong	1	8,0	6,0	5,0	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	13138150	NGUYỄN THANH	PHONG	Thanh	1	6,0	7,0	0,0	2,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	13115324	TRẦN BẢO	PHONG	Phong	1	9,0	8,0	4,0	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	13138152	HOÀNG XUÂN	PHÚ	Hu	1	0,0	6,0	4,5	2,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	13138154	HUỶNH VĂN	PHÚC	Hu	1	7,0	7,0	6,5	6,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	13138156	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	Phu	2	10	9,0	7,0	8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	13138157	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	Phu	1	9,0	8,0	7,5	7,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	12344107	NGUYỄN LỘC	PHÚC	Phu	1	9,0	5,0	4,5	3,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	13138163	PHẠM LƯU	PHƯỚC	V	V					(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	13138165	MAN HỒNG	QUÂN	Man	1	9,0	8,0	3,0	5,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng : 2

Hiện diện : 26

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Quang Hiến

Phạm Minh Xuân

Lê Văn Ban

Lê Quang Hiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323 Nhóm : 07 Tổ : 004

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						20	20	60%			
1	13334154	NGUYỄN VĂN QUÍ	CD13CI	V	V					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154235	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	DH12OT	Quy	1	9,0	6,0	3,0	4,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13138168	BÙI CÔNG QUYỀN	DH13TD	Quy	1	9,0	7,0	7,5	7,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13138171	LÊ TUẤN SANG	DH13TD	Lê	1	9,0	6,0	6,0	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13138016	NGÔ TẤT SANG	DH13TD	Sang	1	10	5,0	6,0	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13138172	NGUYỄN VĂN SANG	DH13TD	Sang	1	9,0	10	6,5	7,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13138173	TRẦN VŨ SANG	DH13TD	Tr	1	10	10	5,0	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13138174	TRẦN THỊ SANG	DH13TD	Tr	1	9,0	10	4,5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13138175	BÙI THÁI SƠN	DH13TD	Son	1	9,0	10	6,0	7,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13138178	NGÔ QUỐC SỬ	DH13TD	Nu	1	10	8,0	7,5	8,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13138181	PHẠM VĂN TÂM	DH13TD	Tan	1	9,0	7,0	4,0	5,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13138183	VŨ MINH TÂM	DH13TD	Minh	1	9,0	8,0	7,5	7,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13138190	TRẦN VĂN TẤN	DH13TD	Tai	1	9,0	00	5,0	4,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13138200	LÊ NGỌC THẠCH	DH13TD	Le	1	7,0	7,0	4,5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154178	PHAN QUỐC THÁI	DH12OT	Ph	1	9,0	5,0	3,5	4,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153081	TRẦN ĐĂNG THÔNG	DH12CD	Tr	1	9,0	00	6,5	5,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13138192	PHẠM VĂN THANH	DH13TD	Thanh	1	7,0	9,0	2,5	4,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13138195	HÀ ĐÌNH THÀNH	DH13TD	Ha	1	10	7,0	3,5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi PV323 Nhóm : 07 Tổ : 004

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						20	20	60%			
19	12153136	LÊ VĂN THÀNH	DH12CD	lvh	1	9,0	10	7,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13138198	PHAN TIẾN	DH13TD	ph	1	10	6,0	4,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13138199	TRỊNH VIỆT	DH13TD	tv	1	7,0	7,0	3,5	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13138201	VĂN THIÊN	DH13TD	v	V					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13138207	HUYỀN NGỌC	DH13TD	v	V					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154185	NGUYỄN VĂN	DH12OT	nh	1	9,0	7,0	6,5	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13138208	NGUYỄN VĂN	DH13TD	v	V					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13138210	TRƯƠNG VĂN	DH13TD	tho	1	9,0	10	9,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13138211	TỔNG TRẦN	DH13TD	th	1	8,0	8,0	2,0	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11158039	NGUYỄN THỊ THỦY	DH11SK	ntt	1	9,0	7,0	1,5	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13138217	NGUYỄN ĐỨC	DH13TD	v	V					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12154204	VĂN NGỌC	DH12OT	v	1	9,0	7,0	10	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13138220	TRƯƠNG TẤN	DH13TD	tt	1	9,0	5,0	7,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12153150	NGUYỄN DƯ	DH12CD	nd	1	9,0	5,0	5,0	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11158025	LÊ VĂN	DH12SK	lv	1	9,0	7,0	5,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13138227	PHẠM ĐÌNH	DH13TD	pd	1	9,0	7,0	6,5	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13138229	MAI MINH	DH13TD	mm	1	9,0	8,0	7,5	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13138231	LÊ MINH	DH13TD	lm	1	00	7,0	5,5	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi PV323 Nhóm : 07 Tổ : 004

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm m. T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
					20	20	60%				
37	13138232	TRẦN HỮU TRỌNG	DH13TD	Trang	1	9,0	0,0	1,0	2,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	12344139	NGUYỄN BÁ TRUNG	CD12CI	Trang	1	9,0	5,0	7,5	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	13138018	NGUYỄN THANH TRUNG	DH13TD	Trang	1	10	9,0	5,5	7,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	13138233	TRƯƠNG MINH TRUNG	DH13TD	Trang	1	10	5,0	1,0	3,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
41	13138234	NGUYỄN PHAN HẢI TRƯỜNG	DH13TD	Trang	1	9,0	8,0	8,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	13115129	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	DH13CB	V	V					(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	13138248	NGUYỄN THANH TÚ	DH13TD	Trang	1	9,0	10	4,5	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
44	12154065	ĐINH LÊ HOÀNG TUẤN	DH12OT	Trang	1	9,0	5,0	5,5	6,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
45	13118330	ĐOÀN MINH TUẤN	DH13CK	Trang	1	8,0	6,0	3,5	4,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
46	12154154	KIM THANH TUẤN	DH12OT	Trang	1	9,0	6,0	5,0	6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
47	13138238	NGÔ VŨ MINH TUẤN	DH13TD	Trang	1	9,0	0,0	7,0	6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
48	13138240	PHẠM ANH TUẤN	DH13TD	Trang	1	10	9,0	3,0	5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
49	13138020	TRẦN THANH TUẤN	DH13TD	Trang	1	9,0	7,0	1,5	4,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
50	13115460	LÊ TIẾN TÙNG	DH13CB	Trang	1	9,0	5,0	1,0	3,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
51	13138249	NGUYỄN KHÁNH TƯỜNG	DH13TD	Trang	1	9,0	10	3,5	5,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
52	12153165	NGUYỄN THANH VĨ	DH12CD	Trang	1	0,0	7,0	4,5	4,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
53	13138255	PHÙNG ANH VĨ	DH13TD	Trang	1	9,0	7,0	4,5	5,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
54	13138251	ĐỖ NGỌC VIỆT	DH13TD	Trang	1	10	6,0	0,5	3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi PV323 Nhóm : 07 Tổ : 004

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
					20	20	60%				
55	13138253	PHẠM TIẾN VIỆT	DH13TD	<i>Việt</i>	1	9,0	5,0	6,5	6,7	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
56	13138254	PHẠM VĂN	DH13TD	<i>Văn</i>	1	9,0	8,0	6,5	7,3	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
57	13138021	TRẦN THANH VINH	DH13TD	<i>Thanh</i>	1	10	6,0	2,5	4,7	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
58	13138256	NGUYỄN LÊ NHẬT VŨ	DH13TD	<i>Nhật Vũ</i>	1	9,0	5,0	2,5	4,3	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
59	13138022	NGÔ QUỐC VƯƠNG	DH13TD	<i>Quốc Vương</i>	1	9,0	7,0	7,0	7,4	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
60	13138259	TRƯƠNG BÌNH YÊN	DH13TD	<i>Bình Yên</i>	1	7,0	6,0	3,5	4,7	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng : 06

Hiệu điện : 54

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đào Duy Vinh

10 Quang Trí

Lê Văn Ban

Lê Quang Hải

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyên lý máy - 207111

Ngày Thi : 23/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD203 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	12154223	LÊ CÔNG TUẤN ANH	DH12OT			1.0	0.5	1.0	2.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118074	VÕ ĐĂNG PHẠM ANH	DH13CC			1.0	0.5	2.5	4.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12118016	LÝ PHAN BÌNH	DH12CC			1.0	0.5			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13137019	NGUYỄN VĂN BÌNH	DH13NL			1.0	0.75	1.25	3.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13153045	TRẦN ĐỨC CẢNH	DH13CD			1.0	1.0	7.0	9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118005	ĐỖ THÀNH CHUNG	DH13CC			1.0	0.75	2.75	4.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118097	NGUYỄN HOÀNG DUY	DH13CX			1.0	0.5	0.5	2.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118100	TRỊNH NGUYỄN MINH DUY	DH13CC			1.0	0.5	4.0	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118009	NGUYỄN VĂN DƯ	DH13CC			1.0	1.0	7.0	9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118113	PHẠM THÀNH ĐẠT	DH13CC			1.0	1.0	0.0	2.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118114	TRẦN MINH ĐẠT	DH13CC			1.0	0.75	3.25	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13137048	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	DH13NL			1.0	0.5	0.5	2.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118012	TRẦN VŨ TÀI ĐỨC	DH13CC							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13154098	LÊ TRƯỜNG GIANG	DH13OT			1.0	0.75	1.25	3.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118126	LÊ XUÂN HÀ	DH13CC			1.0	1.0	6.0	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13153088	LÊ VĂN HẢO	DH13CD							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13137002	NGUYỄN TẤN HẬU	DH13NL			1.0	1.25	3.25	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154048	TRẦN TRUNG HẬU	DH12OT			1.0	0.5	0.5	2.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyễn Lý mã 207111

Ngày Thi : 23/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD203 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13118138	NGUYỄN VĂN HIẾU	DH13CC	Hieu		1.0	1.0	3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12153037	NGUYỄN AN	DH12CD	An		1.0	0.5	2,0	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13138263	HẠP TIẾN	DH13TD	Tien		1.0	1.0	2,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118150	VÕ VĂN HON	DH13CC	Hon						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118163	LÂM THAI	DH13CC	Thai		1.0	0.75	0,75	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13137069	NGUYỄN MẠNH HÙNG	DH13NL	Hung		1.0	0.5	2,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13137071	TÔ QUỐC HÙNG	DH13NL	Hung		1.0	0.0			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13118175	NGÔ BÀ KHANH	DH13CC	Khánh		(còn thi)				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13118180	NGUYỄN HỒNG KHÁNH	DH13CC	Khánh		1.0	0.75	0,75	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13118022	TRẦN ANH KIẾT	DH13CC	Kiet		1.0	0.0	0,0	1,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13138099	CAO HOÀNG LÂM	DH13TD	Lam		1.0	0.75	1,75	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13137083	CHU BÁ HOÀNG LÂM	DH13NL	Lam		1.0	0.75	0,75	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 07

Hiệu điểm : 23

Cá nhân coi thi 1

Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

Cá nhân chấm thi 2

Vương Hải Tiên

Nguyễn Văn Nam

Thị Ngọc Xuân

Vương Hải Tiên

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyên lý máy - 207111

Ngày Thi : 23/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi HD204 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số lời	Đ 1 (16%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô trỏ n điểm phầ n nguyên n	Tô trỏ n điểm phầ n lẻ
1	13118194	LÊ HOÀNG	LÊ	DH13CC		1.0	2.0	6.0	9.0		
2	10169007	HÀ TUẤN	LINH	DH10GN		1.0	1.0	3.0	5.0		
3	13137085	NGUYỄN THANH	LONG	DH13NL		1.0	0.0	0.0	1.0		
4	13118201	NGUYỄN TẤN	LỘC	DH13CK		1.0	0.5	0.0	1.5		
5	13118203	NGUYỄN HỮU	LỢI	DH13CC		1.0	1.0	4.0	6.0		
6	13334114	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	CD13CI		(Chưa thi)					
7	13118031	TRƯƠNG MINH	NGHĨA	DH13CC		1.0	0.75	1.25	3.0		
8	13118032	TRƯƠNG QUỐC	NGHĨA	DH13CC		1.0	1.0	0.5	2.5		
9	13137097	ĐẶNG	NGUYỄN	DH13NL		1.0	0.0	0.0	1.0		
10	13118036	NGUYỄN HÀ DUY	NHẬT	DH13CC		1.0	0.25	0.25	1.5		
11	13154041	PHẠM HOÀNG	NHU	DH13OT		1.0	1.0	4.0	6.0		
12	13137105	NGUYỄN THANH	PHONG	DH13NL		1.0	1.0	0.5	2.5		
13	13118239	HUYỀN VŨ	PHƯƠNG	DH13CK		1.0	0.75	4.25	6.0		
14	13138167	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	DH13TD		1.0	1.0	2.5	4.5		
15	13137120	TRẦN VĂN	SƠN	DH13NL		1.0	1.0	4.5	6.5		
16	13118257	VŨ TUẤN	SƠN	DH13CC		1.0	0.5	2.5	4.0		
17	13154050	NGÔ VĂN	SỰ	DH13OT		1.0	0.75	2.25	4.0		
18	12115212	PHẠM THỊ HỒNG	THU	DH12CB		1.0	1.0	4.5	6.5		

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyễn Lý Mã 207111

Ngày Thi : 23/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD204 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm m.T. kết t.	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
19	12154177	NGUYỄN THÀNH THUẬN	DH12OT	Thượn		1.0	1.0	0,5	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13154061	ĐÀO ĐÌNH DUY	DH13OT	V		(Cạnh thi)				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118292	NGUYỄN MINH TIỀN	DH13CC	V						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13137146	ĐÌNH THANH TOÀN	DH13NL	toàn		1.0	0.25	0,75	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118314	NGUYỄN THANH TRỌNG	DH13CC	V		(Cạnh thi)				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13334227	PHẠM THANH TRUNG	CD13CI	Trung		1.0	0.25	1,75	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118324	PHẠM NGỌC TRUYỀN	DH13CC	Tr		1.0	0.75	0,25	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12115218	TRẦN LÊ CẨM TÚ	DH12CB	Tu		1.0	1.5	3.0	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13118061	NGUYỄN DUY TUẤN	DH13CC	Tuan		1.0	1.0	3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13118334	NGUYỄN DUY TUẤN	DH13CC	Tuan		1.0	0.5	1,0	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13118063	LÊ VĂN TỰC	DH13CC	Tu		1.0	0.75	5,25	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13154068	PHẠM HIẾN VINH	DH13OT	Vinh		1.0	1.0	1,5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 3

Hiệu điểm : 27

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Đức Dũng
Lê Quang Trí

Chị Hồng Xuân

Việc Thanh Tiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyên lý mã Y-207111

Ngày Thi : 23/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD301 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm m. T. kết t.	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12138027	LƯƠNG THẾ ANH	DH12TD			1.0	0.75	1.25	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118075	VŨ VĂN ANH	DH13CC			1.0	0.75	1.25	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13118004	NGUYỄN THẾ BẢO	DH13CC			1.0	1.0	1.5	3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13154078	NGUYỄN THÁI BÌNH	DH13OT			1.0	1.0	1.5	3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12344164	ĐẶNG MINH CHÂU	CD12CI			1.0	1.0	2.5	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13153046	HUỖNH CÔNG CHÍNH	DH13CD			1.0	1.25	2.25	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118094	NGUYỄN THẾ DOANH	DH13CK			1.0	0.75	1.75	3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13137036	TRẦN KHÁNH DUY	DH13NL			1.0	0.5	4.5	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118110	PHẠM MINH ĐẠI	DH13CC			1.0	0.25	1.75	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13138002	TRƯƠNG QUANG ĐẠI	DH13TD			1.0	1.0	2.0	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118125	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	DH13CC			1.0	0.0	1.0	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13138060	PHAN HỒNG HẢI	DH13TD			1.0	1.0	5.5	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13138067	NGUYỄN TRUNG HẬU	DH13TD			1.0	1.0	5.5	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13137058	MAI HOÀNG HIỆP	DH13NL			1.0	0.75	4.25	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13153103	NGUYỄN ĐỒNG HOÀI	DH13CD			1.0	0.75	1.25	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13137062	HỒ THANH HOÀNG	DH13NL			1.0	0.75	0.75	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118018	NGUYỄN QUANG HOÀNG	DH13CC			(Cán thi)				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13118162	HUỖNH ĐỨC HÙNG	DH13CC			1.0	1.0	2.0	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyên lý mã y-207111

Ngày Thi : 23/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD301 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154107	HỒ CÔNG HUY	DH12OT	<i>Huy</i>		1.0	1.0	5.0	7.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	13334081	NGUYỄN BÁ HUY	CD13CI	<i>Huy</i>		1.0	0.25	1.25	2.5	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	12115004	TRƯƠNG THỊ HUYỀN	DH12GN	<i>Huyen</i>		1.0	1.0	1.0	3.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	12153176	ĐOÀN TỔ HỮU	DH12CD	<i>Tu</i>		1.0	1.0	6.0	8.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	11118010	SENG ALOUN KASEUTH	DH11CC	<i>Am</i>		1.0	1.0	2.0	4.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	11153019	LÊ HOÀNG KHÁI	DH11CD	<i>Kh</i>		1.0	0.25	2.25	4.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	13138094	PHẠM DUY KHÁNH	DH13TD	<i>Kh</i>		0.0	0.0	0.5	0.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	13153127	PHẠM QUỐC KHÁNH	DH13CD	<i>Kh</i>		1.0	1.0	2.0	4.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	13118193	TRẦN NGỌC LẬP	DH13CC			(Cạnh thi)				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	12115249	PHẠM THỊ KIM LOAN	DH12CB	<i>Kim</i>		1.0	1.0	2.0	4.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	13334124	ĐẶNG THANH NAM	CD13CI	<i>Thanh</i>		1.0	1.0	2.5	4.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	13153155	NGUYỄN HOÀI NAM	DH13CD	<i>Nam</i>		1.0	1.0	0.5	2.5	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	12115296	LÊ NGHĨA	DH12CB	<i>Ngh</i>		1.0	1.0	4.0	6.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	12154146	PHAN TRỌNG NHÂM	DH12OT	<i>Tr</i>		1.0	0.25	2.25	4.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	13137100	ĐINH MAI NHẬT	DH13NL	<i>Minh</i>		1.0	0.5	0.5	2.0	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	13118240	HUỶNH HỮU PHƯỚC	DH13CC	<i>Hu</i>		1.0	0.5	0.5	2.0	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	13138166	NGÔ NGUYỄN MINH QUÂN	DH13TD	<i>Minh</i>		0.5	0.25	1.25	2.0	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	13153197	DƯƠNG QUYNH	DH13CD	<i>Duong</i>		1.0	1.0	6.0	8.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyễn Lý mã 207111

Ngày Thi : 23/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD301 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
37	13118045	NGUYỄN VĂN SANG	DH13CK			1.0	0.5			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13118255	HỒ HOÀNG SƠN	DH13CK	Sơn		1.0	1.0	2.0	4.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12115026	HOÀNG VĂN TAM	DH12CB	Tam		1.0	1.5	5.5	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13118048	NGUYỄN CHẾ TÂM	DH13CC			(Cộng thi)				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11154025	TRẦN NHẬT TÂN	DH11OT			(Cộng thi)				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13138199	TRỊNH VIỆT THÀNH	DH13TD	Trình		1.0	0.5	1.0	2.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12115054	TRẦN QUỐC THỊNH	DH12CB	Trần		1.0	1.25	2.25	4.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12344124	LƯƠNG ĐỨC THÔNG	CD12CI							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13118298	NGUYỄN VĂN TIẾN	DH13CC	Đến		1.0	0.75	1.25	3.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13153236	PHẠM TRỌNG TÍN	DH13CD	Phạm		1.0	1.0	5.0	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13334214	TRẦN QUỐC TÍN	CD13CI	Trần		1.0	1.0	3.0	4.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13138231	LÊ MINH TRỌNG	DH13TD	Trọng		1.0	1.0	3.0	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13118323	BÙI VĂN TRUYỀN	DH13CC	Bùi		1.0	1.0	1.5	3.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13137154	NGUYỄN VĂN TRUÔNG	DH13NL	Truông		1.0	1.0	1.0	3.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13137155	NGUYỄN THANH TUẤN	DH13NL	Nguyễn		1.0	1.0	2.0	4.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	13153026	PHẠM LÂM ANH TUẤN	DH13CD	Phạm		1.0	0.25	0.25	2.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11115015	TRẦN QUANG TUẤN	DH11CB	Trần		1.0	0.5	2.5	4.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	13118343	PHẠM THANH TÙNG	DH13CK	Phạm		1.0	1.0	4.5	6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyên lý máy - 207111

Ngày Thi : 23/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD301 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
55	13118347	MAI HOÀI TỰU	DH13CC			1.0	0.75	1.75	3.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
56	13118349	DƯƠNG ĐỨC VINH	DH13CC			1.0	1.0	3.5	5.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
57	13118353	HOÀNG ĐỨC VŨ	DH13CC			1.0	1.0	1.0	3.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
58	13118354	LÊ LƯƠNG TUẤN	DH13CC			1.0	1.0	1.5	3.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
59	13118066	NGUYỄN THẾ VŨ	DH13CC			1.0	1.0	5.5	7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
60	12115189	NGUYỄN THỊ VƯƠNG XUÂN	DH12GN			1.0	1.0	3.5	5.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

Số lượng vắng : 5

Hiện diện : 55

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyễn Lý mã y207111

Ngày Thi : 23/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi CT201 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm m. thi	Điểm m. T. kế t.	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13118067	THÁI VĂN AN	DH13CK			(cân thi)				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118002	ĐẶNG NGỌC AN	DH13CK	An		1.0	1.0	3.5	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13138027	BÙI MINH BẢO	DH13TD							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13154081	LÊ NGỌC CHÂU	DH13OT	Châu		1.0	0.25	0.75	2.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154006	HOÀNG MINH CHƯÔNG	DH13OT	Ch		1.0	0.75	2.75	4.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118091	NGUYỄN DUY CƯỜNG	DH13CK	Duy		1.0	1.0	5.5	7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118007	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	DH13CK	Cuong		1.0	0.5	2.5	4.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12115216	NGUYỄN THỊ DUNG	DH12GB	Dung		1.0	1.0	6.0	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118104	NGUYỄN ĐÔNG DƯƠNG	DH13CK	Duong		1.0	0.75	1.75	3.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118137	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	DH13CK	Hiu		1.0	0.5	5.5	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118016	NGUYỄN TRUNG HIẾU	DH13CK							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13138072	NGUYỄN TỰ HIẾU	DH13TD	Tu		1.0	1.25	5.75	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118140	ĐẶNG NGỌC HIẾU	DH13CK	Hieu		1.0	0.5	1.5	3.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13118141	TRỊNH VĂN HOÀN	DH13CK			(cân thi)				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118152	BÙI VĂN HỢI	DH13CC	Hoi		1.0	1.0	1.5	3.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13118156	ĐỖ MINH HUY	DH13CK	Huy		1.0	0.5	4.5	6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13138083	NGUYỄN ĐỨC HUY	DH13TD	Hu		1.0	1.0	4.0	6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13118169	NGUYỄN TRỌNG HỮU	DH13CK	Hu		(cân thi)				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyễn lý mã y-207111

Ngày Thi : 23/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi CT201 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số từ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô trỏ n điểm phầ n nguyên	Tô trỏ n điểm phầ n lẻ
19	13118176	LÊ ĐÌNH KHÁ	DH13CK	<i>Khá</i>	1.0	1.25	1.75	4.0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13154026	TRẦN VĂN KHÁ	DH13OT	<i>Khá</i>	1.0	0.75	2.25	4.0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13153124	NGUYỄN TRỌNG KHANG	DH13CD	<i>Khá</i>	1.0	0.25	3.25	4.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118174	TRƯƠNG CHÍ KHANG	DH13CK	<i>Khá</i>	1.0	1.75	6.75	9.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154117	NGUYỄN DUY KHANH	DH12OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13334256	LÊ ANH KHOA	CD13CI					(Cấm thi)		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118186	ĐÀO XUÂN KHÔI	DH13CK	<i>Khá</i>	0.0	0.5	1.0	1.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13118189	NGUYỄN HỮU KIẾT	DH13CK	<i>Kiệt</i>	1.0	1.5	4.0	6.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13153138	TRẦN QUANG KỲ	DH13CD	<i>Kỳ</i>	1.0	0.5	3.0	4.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13153142	NGUYỄN VĂN LÂM	DH13CD	<i>Lâm</i>	1.0	0.5	4.0	5.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13138108	LÊ QUANG LINH	DH13TD	<i>Linh</i>	1.0	0.5	1.5	3.0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13118197	NGUYỄN CHÍ LINH	DH13CK	<i>Linh</i>	1.0	1.75	6.25	9.0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13118199	ĐÀO HUY LONG	DH13CK	<i>Long</i>	1.0	0.5	3.5	5.0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13334113	MAI VINH LỢI	CD13CI					(Cấm thi)		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13118206	NGUYỄN VĂN MẠNH	DH13CK					(Cấm thi)		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13118205	NGUYỄN BÁ MẠY	DH13CK	<i>Máy</i>	1.0	0.25	1.25	3.0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng ng v ng:

Hiệu n diện n:

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xá c nhận n củ a khoa/bộ môn

Cá n bộ chấ m thi 1

Cá n bộ chấ m thi 2

N. V. Kiệp

Trần Văn Tuấn

Trần Văn Tuấn

Trần Văn Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyễn Lý má y-207111

Ngày Thi : 23/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi CT202 Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13118208	BÙI LƯƠNG BẢO MINH	DH13CK	<i>BK</i>		1.0	1.0	1.5	3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118218	LÊ VŨ TRƯỜNG NGỌC	DH13CK	<i>1802</i>		1.0	1.5	6.0	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13118221	VŨ VĂN NGUYỄN	DH13CK	<i>1.12</i>		1.0	0.75	0.25	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13138136	NINH QUANG NHẬT	DH13TD	<i>Quang</i>		1.0	0.5	1.5	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13118232	BÙI TẤN PHONG	DH13CK	<i>Phong</i>		1.0	0.5	6.5	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13137106	NGUYỄN THANH PHONG	DH13NL	<i>phong</i>		1.0	1.0	1.5	3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118235	NGUYỄN VĂN PHONG	DH13CK	<i>Phong</i>		1.0	0.5	0.0	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118041	LÊ MINH PHƯƠNG	DH13CK	<i>Le</i>		1.0	0.75	3.25	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13137112	NGUYỄN MINH QUAN	DH13NL	<i>PK</i>		1.0	1.0	2.0	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13137115	PHẠM MAI QUỲNH	DH13NL	<i>PK</i>		1.0	1.0	2.0	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13138173	TRẦN VŨ SANG	DH13TD	<i>CS</i>		1.0	1.0	2.5	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118047	PHẠM MINH TÀI	DH13CK	<i>Tai</i>		1.0	0.5	1.0	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13138183	VŨ MINH TÂM	DH13TD	<i>TK</i>		1.0	1.75	4.25	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12115256	TRẦN VIỆT TÂN	DH12GN	<i>TK</i>		1.0	1.5	6.0	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118269	VŨ MINH TÂY	DH13CK	<i>Tai</i>		1.0	0.75	6.75	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13154177	ĐINH MAI BẮC THÁI	DH13OT	<i>Thoi</i>		1.0	0.75	0.25	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118279	TRƯƠNG QUANG THẠNH	DH13CK	<i>TK</i>		1.0	1.0	1.0	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13118282	TRẦN NAM THẮNG	DH13CK	<i>TK</i>		1.0	1.0	2.5	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyên lý máy 207111

Ngày Thi : 23/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi CT202 Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ trờ n điểm phầ n nguyên n	Tổ trờ n điểm phầ n lẻ
19	13118284	LÂM VĂN THIẾT	DH13CC			1.0	1.0	2.0	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13118285	NGUYỄN PHÚ THỊNH	DH13CX			1.0	0.5	1.5	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118054	ĐOÀN VĂN THOẠI	DH13CX			1.0	0.75	3.25	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118291	PHẠM HỮU THƯỜNG	DH13CX			1.0	0.75	4.75	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118307	NGUYỄN TRIỆU TOÀN	DH13CX			1.0	1.0	2.5	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13137152	TRẦN ANH TRÍ	DH13NL			1.0	0.75	4.25	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118313	ĐẶNG XUÂN TRỌNG	DH13CX			1.0	0.75	0.75	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13138232	TRẦN HỮU TRỌNG	DH13TD			1.0	0.75	1.25	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13137157	ĐOÀN NHẬT TÚ	DH13NL			1.0	0.75	4.25	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13138019	BÙI VĂN TUẤN	DH13TD			1.0	1.0	4.0	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13118330	ĐOÀN MINH TUẤN	DH13CX			1.0	0.5	0.5	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13118332	LÊ QUỐC TUẤN	DH13CX			1.0	1.0	4.0	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13137160	NGUYỄN QUỐC VIỆT	DH13NL			(cần thi)				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13118366	LÊ TÂN VŨ	DH13CX			1.0	0.5	0.5	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13118359	VŨ GIA VY	DH13CX			1.0	0.25	1.25	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13334249	NGUYỄN TẤN VIN	CD13CI			(cần thi)				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng ng:

Hiệu n điểm n:

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xá c nhậ n củ a khoa/bộ môn

Cá n bộ chấ m thi 1

Cá n bộ chấ m thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyễn lý mã y-207111

Ngày Thi : 23/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi CT305 Nhóm : 08 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13137008	VŨ TUẤN ANH	DH13NL	<i>[Signature]</i>		1.0	0.75	0.75	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13137011	NGUYỄN THIÊN AN	DH13NL	<i>[Signature]</i>	1.0	1.0	0.5	1.5	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13137015	PHẠM THÁI MINH BẢO	DH13NL	<i>[Signature]</i>		1.0	0.75	0.75	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13137026	NGUYỄN MINH CHÂU	DH13NL	<i>[Signature]</i>		1.0	1.0	5,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13137028	TRẦN MINH CHUÔNG	DH13NL			(Chấm thi)				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13137029	LÊ A DẰNG	DH13NL	<i>[Signature]</i>		1.0	0.25	1.25	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13137032	ĐỖ VĂN DUY	DH13NL	<i>[Signature]</i>		1.0	1.0	2,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13137037	TRẦN NGỌC DUY	DH13NL	<i>[Signature]</i>		1.0	0.25	1.75	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13137045	LÂM QUỐC ĐẠT	DH13NL	<i>[Signature]</i>		1.0	0.75	2.25	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13137046	NGUYỄN TẤN ĐẠT	DH13NL			(Chấm thi)				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13137047	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	DH13NL	<i>[Signature]</i>		1.0	0.75	0.75	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13138058	CAO XUÂN HẢI	DH13TD	<i>[Signature]</i>		1.0	1.0	4,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13137054	NGÔ HỮU HẬU	DH13NL	<i>[Signature]</i>		1.0	0.5	0,5	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13137055	NGUYỄN THANH HIỀN	DH13NL	<i>[Signature]</i>		1.0	1.0	2,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13138074	KIỀU VIỆT HIỆP	DH13TD	<i>[Signature]</i>		1.0	0.75	1.25	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13138073	PHẠM TRUNG HIẾU	DH13TD	<i>[Signature]</i>		1.0	1.0	5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13137059	NGUYỄN NGỌC HOÀN	DH13NL	<i>[Signature]</i>		1.0	0.75	1.25	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13138085	HOÀNG THANH HÙNG	DH13TD	<i>[Signature]</i>		1.0	1.0	5,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyên lý mã y207111

Ngày Thi : 23/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi CT305 Nhóm : 08 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13137068	LÊ VĂN HÙNG	DH13NL	<i>huu</i>		0.5	0.5	2.5	3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10169033	TRẦN MINH HUY	DH10GN			(cấm thi)				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13137167	NGUYỄN THÀNH HƯNG	DH13NL	<i>thanh</i>		1.0	0.75	3.75	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13138091	LÂM TẤN KHA	DH13TD	<i>ka</i>		1.0	1.0	3.0	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13137081	VŨ ĐÌNH NGUYỄN KHƯƠNG	DH13NL	<i>khua</i>		1.0	0.5	1.5	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13154032	TRƯƠNG THÀNH LONG	DH13OT	<i>long</i>		1.0	1.0	6.0	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13153013	HUYỀN MINH LÝ	DH13CD	<i>ly</i>		1.0	0.25	1.25	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13138118	NGUYỄN VĂN MẾN	DH13TD	<i>men</i>		1.0	1.0	3.5	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13138129	TRƯƠNG VĂN NGỌC	DH13TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13137096	LƯU THIÊN NGÔN	DH13NL	<i>ngon</i>		1.0	1.0	2.5	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13137110	NGUYỄN MINH PHÚC	DH13NL	<i>phuc</i>		1.0	0.75	1.25	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13137111	NGUYỄN QUỐC PHÚC	DH13NL	<i>phuc</i>		1.0	0.25	0.25	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13138163	PHẠM LƯU PHƯỚC	DH13TD			(cấm thi)				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11138004	DƯƠNG PHƯỚC PHÚ	DH11CD	<i>phu</i>		1.0	1.0	3.5	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13138174	TRẦN THỊ SÁNG	DH13TD	<i>sang</i>		1.0	1.0	4.5	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13137119	NGUYỄN HẢI SƠN	DH13NL	<i>son</i>		1.0	0.5	1.5	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13137121	VỊ VĂN TÀI	DH13NL	<i>tau</i>		1.0	1.0	1.5	3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12153139	ĐỖ TRỌNG TÂM	DH12CD			(cấm thi)				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyên lý mã Yr207111

Ngày Thi : 23/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi CT305 Nhóm : 08 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số lũ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô trỏ n điểm m phầ n nguyên	Tô trỏ n điểm m phầ n lẻ
37	12118090	NGUYỄN HỮU TẤN	DH12CK			(cần thi)				(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	13137128	PHAN LÊ NGOC	DH13NL	Thao		4.0	4.0	1.5	3.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	13137131	LÊ HOÀNG	DH13NL	Thao		4.0	0.75	0.75	2.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	13137135	TRẦN HOÀNG	DH13NL	Thao		1.0	0.0	0.0	1.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
41	13137136	TRẦN LONG	DH13NL			(cần thi)				(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	13154183	NGUYỄN VĂN THƠM	DH13OT	Thao		4.0	4.0	2.0	4.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	13137140	NGUYỄN VĨNH	DH13NL	Thao		1.0	0.0	1.0	2.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
44	13137145	VŨ TRỌNG	DH13NL			(cần thi)				(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
45	13137147	PHẠM THẾ TOÀN	DH13NL	Thao		1.0	0.5	1.5	3.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
46	13138223	ĐINH QUỐC TOÀN	DH13TD	Thao		4.0	4.0	3.5	5.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
47	13137156	DƯƠNG MINH TÚ	DH13NL	Thao		1.0	0.5	1.0	2.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
48	13137158	NGUYỄN MINH TÚ	DH13NL	Thao		4.0	0.25	1.25	2.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
49	13138255	PHÙNG ANH VĨ	DH13TD	Thao		4.0	0.25	2.25	3.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng : 3

Hiệu n điểm : 40

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá n bộ chấm thi 1

Cá n bộ chấm thi 2

Cao Đức Lợi

Nguyễn Thị Phương Thảo

Chị Hồng Xuân

Nguyễn Thị Tiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyễn Lý mã y¹207111

Ngày Thi : 23/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD201 Nhóm : 09 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13154073	ĐẶNG TUẤN ANH	DH13OT							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	12154127	HỒ BẢO ANH	DH12OT	<i>App</i>		1.0	1.0	6.0	8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	13153034	PHẠM NHẬT ANH	DH13CD	<i>ph</i>		1.0	1.0	2.5	4.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	13153043	PHAN NGỌC CAO	DH13CD	<i>Boa</i>		1.0	1.25	4.75	7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	13154083	PHAN VĂN CHÂU	DH13OT	<i>Chau</i>		1.0	0.25	5.25	7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	13334023	LÊ TUẤN CHIẾN	CD13CI	<i>chung</i>		1.0	0.5	1.0	2.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	13154088	ĐÀO THẾ CƯỜNG	DH13OT	<i>Cuong</i>		1.0	1.0	4.5	6.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	13138042	QUÁCH ĐÌNH DŨNG	DH13TD	<i>Dung</i>		1.0	0.5	0.5	2.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	13153063	TRẦN VĂN DƯƠNG	DH13CD	<i>Duong</i>		1.0	0.5	1.5	3.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	13153074	K' DÊ	DH13CD	<i>De</i>		1.0	0.5	1.5	3.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	13154100	DƯƠNG MINH HẢI	DH13OT			(Cần thu)				(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	13154104	LÊ HỮU HẢI	DH13OT	<i>Hai</i>		1.0	0.5	2.5	4.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	13153092	LÊ QUANG HẬU	DH13CD	<i>Hu</i>		1.0	1.0	3.0	5.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	13154017	NGUYỄN VĂN HẬU	DH13OT	<i>Hu</i>		1.0	0.0	0.0	1.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	13154020	ĐÀU NGỌC HIẾU	DH13OT	<i>Hu</i>		1.0	0.5	0.5	2.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	13138261	NGUYỄN TRUNG HIẾU	DH13TD	<i>Hu</i>		1.0	1.0	0.5	2.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	13138076	VÕ MINH HÒA	DH13TD	<i>Hu</i>		1.0	1.0	1.0	3.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	13153106	NGUYỄN HUY HOÀNG	DH13CD	<i>Hoang</i>		1.0	1.0	6.0	8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyễn Lý má y-207111

Ngày Thi : 23/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD201 Nhóm : 09 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13154123	PHẠM HÙNG	DH13OT	Hung		1.0	0.5	0,5	2,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12154087	MÃ NHẬT	DH12OT	Ky		1.0	0,25	0,25	2,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12115020	LƯU MỘNG	DH12GN	Ly		1.0	1.0	1,5	3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	10153019	NÔNG VĂN KHIÊM	DH10CD	He		1.0	1.0	2,0	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	13137076	ĐỖ DĂNG KHOA	DH13NL	Do		1.0	0,25	0,25	2,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	13138096	VŨ ANH KHOA	DH13TD	Vu		1.0	1.0	2,0	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	13137080	LÊ THÀNH KHÔI	DH13NL	Le		1.0	0.5	1,5	3,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	13154029	HUYỀN VŨ KIẾT	DH13OT	Huy		1.0	0.5	2,0	3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	13154030	PHẠM VĂN LÂM	DH13OT	Pham		1.0	0.5	1,0	2,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	13138008	PHAN XUÂN LIÊM	DH13TD	Phan		1.0	1.0	2,5	4,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	13154033	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	DH13OT	Phu		1.0	1.0	1,5	3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	13154144	ĐOÀN LỢI	DH13OT	Do		1.0	1.0	1,5	3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	07118009	PHAN VĂN LỢI	DH08CK17			(Còn thi)				(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng : 03

Hiệu điểm : 28

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá n bộ chấm thi 1

Cá n bộ chấm thi 2

Trưởng Khoa Trưởng

Phụ Trưởng

Phụ Trưởng

Phụ Trưởng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyễn lý mã y-207111

Ngày Thi : 23/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD202 Nhóm : 09 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13118214	TRẦN HOÀI	NAM	DH13CK	sh		1.0	1.0	3,5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12344172	TRỊNH HỮU	NGHĨA	CD12CI		V	(cấm thi)				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13137102	TRẦN MINH	NHỰT	DH13NL	shul		1.0	0.5	1,5	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13154043	NGUYỄN HỮU	PHONG	DH13OT	ag		1.0	1.0	1,5	3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154163	ĐÀO TRẦN PHÚ	QUỐC	DH13OT	Quo		1.0	1.0	1,0	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13154164	K' LÊ ANH	QUỐC	DH13OT		V	(cấm thi)				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13154049	NGUYỄN VĂN	SANG	DH13OT	ngv		1.0	0.0	0.0	1,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13154052	LÊ TRUNG	TÁ	DH13OT	le		1.0	1.0	5,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13138200	LÊ NGỌC	THẠCH	DH13TD	le		1.0	0,75	3,75	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118053	TRẦN THẾ	THIỆN	DH13CC	Ch	2	1.0	1.0	6,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13154055	TRƯƠNG NGỌC	THIỆN	DH13OT	Tru		1.0	0,75	0,75	2,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154056	VÕ HOÀN	THIỆN	DH13OT	vo		1.0	1.0	3,5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13154058	TRẦN NGUYỄN TRỌNG	THOẠI	DH13OT		V	(cấm thi)				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13138210	TRƯƠNG VĂN	THOẠI	DH13TD	thoai	2	1.0	1,75	4,75	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13154059	NGUYỄN MINH	THÔNG	DH13OT	thoai	2	1.0	0.5	2,5	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13153024	LÊ VĂN	THUẬN	DH13CD	le		1.0	0,75	3,75	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13154060	NGUYỄN LÂM	THUẬN	DH13OT	thoai	2	1.0	1.0	4,0	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13137141	TRẦN THẮNG	THUẬN	DH13NL	tho	2	1.0	1.0	2,5	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyễn Lý má y²07111

Ngày Thi : 23/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi HD202 Nhóm : 09 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13118056	VÕ ĐỨC TIẾN	DH13CC	<i>Tiến</i>	1	1.0	0.5	1.5	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13154188	NGUYỄN DUY TRẦN	DH13OT	<i>Trần</i>	1	1.0	0.5	1.0	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154261	NGUYỄN QUỐC TRONG	DH12OT	<i>Trong</i>	1	1.0	0.0	0.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13154065	NGUYỄN VĂN TRUNG	DH13OT	<i>Trung</i>	1	1.0	1.0	2.5	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13154198	LÊ ANH TUẤN	DH13OT	<i>Anh Tuấn</i>	2	1.0	1.0	2.5	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13153261	TRƯƠNG VĂN TUY	DH13CD	<i>Trương Văn</i>	1	1.0	0.0	1.0	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13154204	TRẦN PHƯỚC TUỜNG	DH13OT	<i>Phước Tường</i>	1	1.0	0.0	1.5	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13118064	NGUYỄN VĂN TYL	DH13CK	<i>Tyl</i>	1	1.0	0.5	1.5	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13154208	NGUYỄN THẾ VIÊN	DH13OT	<i>Viên</i>	1	1.0	0.5	1.25	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13138256	NGUYỄN LÊ NHẬT VŨ	DH13TD	<i>Nhật Vũ</i>	1	1.0	0.0	0.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13154069	NGUYỄN TUẤN VŨ	DH13OT	<i>Tuấn Vũ</i>	2	1.0	0.5	1.0	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13154070	NGUYỄN VŨ HOÀNG VŨ	DH13OT	<i>Hoàng Vũ</i>	2	1.0	0.0	1.5	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng mặt: 03 Hiện diện: 27

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá n bộ chấm thi 1

Cá n bộ chấm thi 2

Nguyễn Hải Đăng

Lê Quang Hiến

Chi huy Xuân

Nguyễn Văn Tiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyễn Lý mã y207111

Ngày Thi : 23/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD205 Nhóm : 10 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13334001	VÕ NGỌC AN	CD13CI	AN		1,0	0,0	3,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13154005	LƯU CÔNG CHÍ	DH13OT	Chi		1,0	0,25	0,25	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154007	NGUYỄN HUỖNH DUY	DH13OT	Duy		1,0	1,0	5,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13154008	VÕ THANH DUY	DH13OT	Duy		1,0	0,5	2,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154009	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	DH13OT	Duong		1,0	0,75	3,25	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13137052	HUỖNH TẤN HẠNH	DH13NL	Hanh		1,0	0,75	0,25	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13153096	DƯƠNG ĐỨC HIẾU	DH13CD	V	V (cẩn thi)					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13154023	NGUYỄN THANH MINH HOÀNG	DH13OT	Hoang		1,0	0,5	5,0	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13154027	NGUYỄN LÊ KHOA	DH13OT	Khoa		1,0	0,75	1,75	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13137079	PHAN ĐĂNG TUẤN KHÔI	DH13NL	Khoi		(cẩn thi)				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13154139	NGUYỄN ĐỨC LINH	DH13OT	Linh		1,0	0,75	2,75	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154141	NGUYỄN THÀNH LONG	DH13OT	Long		1,0	0,5	3,0	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13154143	ĐINH TỬ LỘC	DH13OT	Loc		1,0	0,25	1,75	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13154147	NGUYỄN VĂN MINH	DH13OT	Minh		1,0	0,75	4,25	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118030	TRẦN QUỐC NAM	DH13CK	Nam		1,0	0,5	6,5	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13154149	VÕ TẤN NGÀ	DH13OT	Ngà		1,0	0,25	3,75	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13138131	LƯƠNG TRỌNG NHÃ	DH13TD	Nha		(cẩn thi)				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13154045	TẶNG HỒNG PHÚC	DH13OT	Phuc		1,0	0,25	1,75	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nguyễn Lý mã 207111

Ngày Thi : 23/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi HD205 Nhóm : 10 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	07118019	LƯU ĐỨC THẮNG	DH09CX17	✓	✓					(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	09137045	NGUYỄN NGỌC THIÊN	DH09NL17	Nguyễn Ngọc Thiên	(Cần thi)					(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	13154054	LÊ MINH THIÊN	DH13OT	Đ		1,0	0,5	1,5	3,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	12344111	VÕ TẤN THIÊN	CD12CI	Võ Tấn Thiên		1,0	1,0	2,0	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	13334204	NGUYỄN HỒNG THUẬN	CD13CI	Đ		1,0	0,5	0,0	1,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	13334205	VÕ THÁI THUẬN	CD13CI	✓	✓	1,0	0,5			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	13153233	NGUYỄN VĂN TIẾN	DH13CD	Đ		0,5	0,25	1,25	2,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	13153238	MAI THANH TÍNH	DH13CD	✓	✓	(Cần thi)				(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	12344183	NGUYỄN VĂN TRÂM	CD12CI	✓	✓	(Cần thi)				(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	13154063	TRẦN MINH TRÍ	DH13OT	Đ		1,0	0,5	1,5	3,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	12138132	LÊ ĐẮC TUẤN	DH12TD	✓	✓					(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	13154201	TRẦN ANH TUẤN	DH13OT	Đ		1,0	0,25	3,25	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	13154067	PHẠM TRÌNH HOÀNG VĂN	DH13OT	Đ		1,0	1,0	6,0	8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	11169025	NGUYỄN THỤY TUYẾT VÂN	DH11GN	Vân		1,0	1,0	3,5	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng mặt:

Hiệu điểm: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Đức

Nguyễn Thanh Phong

Chu Văn Tuấn

Nguyễn Thanh Tiến